

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Minh Huệ

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Tỉnh

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN
VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN T.M VÀ
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ LONG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Minh Huệ

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Tĩnh

ẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Minh Huệ

Mã SV: 120376

Lớp: QT 1203K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và

tên:.....

Học hàm, học

vị:.....

Cơ quan công

tác:.....

Nội dung hướng

dẫn:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và

tên:.....

Học hàm, học

vị:.....

Cơ quan công

tác:.....

Nội dung hướng

dẫn:.....

.....

.

.....

.

.....

.

.....

.

.....

.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2010

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2010

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

.....
...
.....
..
.....
..
.....
..
.....
..
.....
..
.....
..
.....
..
.....
..
.....
..
.....
..

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	0
CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	14
1.1. Những vấn đề lý luận chung về vốn bằng tiền.....	14
1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền và đặc điểm vốn bằng tiền.....	14
1.1.2. Vị trí, vai trò, sự cần thiết của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.....	14
1.1.3. Các loại vốn bằng tiền.....	16
1.1.4. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền.....	16
1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	17
1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp	17
1.2.1. Những quy định chung về kế toán vốn bằng tiền.	17
1.2.2. Hạch toán kế toán vốn bằng tiền	18
1.2.2.1. Hạch toán kế toán tiền mặt.....	18
CHƯƠNG II: CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN T.M VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ LONG .	36
2.1. Khái quát về Công ty Cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.	36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.	36
2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của công ty Cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.....	37
2.1.2.1. Ngành nghề và nhiệm vụ chủ yếu của công ty:	37
2.1.2.3. Tình hình nguồn vốn của công ty.....	39
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty	40
2.1.3.1 Những thuận lợi:	40
2.1.3.2 Những khó khăn:.....	40
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư phát Triển Hạ Long.	40

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.....	43
2.1.4.2. Hình thức Sổ kế toán áp dụng tại công ty	45
2.1.5. Các chính sách kế toán của Công ty	46
2.2. Kế toán Vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.....	47
2.2.1. Kế toán tiền mặt tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.....	47
2.2.1.1. Hạch toán thu chi Tiền mặt tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.	47
2.2.1.2. Quy trình lập phiếu thu, phiếu chi tại công ty.....	48
2.2.1.3.Chứng từ và sổ sách sử dụng	48
2.2.1.4.Tài khoản sử dụng.....	49
2.2.1.5.Quy trình hạch toán.....	49
2.2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.	65
2.2.2.1. Hạch toán thu chi tiền gửi Ngân hàng.....	65
2.2.2.2.Quy trình nghiệp vụ tại Công ty.....	65
2.2.2.3. Chứng từ và sổ sách thường sử dụng	66
2.2.2.4. Tài khoản sử dụng	66
2.2.2.5 Quy trình hạch toán.....	66
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN T.M VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ LONG.....	84
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.	84
3.1.1 Những ưu điểm.....	84
3.1.2 Những hạn chế	85
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.	86

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện ..	86
3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi nguyên tắc hoàn thiện.....	87
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.	87
KẾT LUẬN	100

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kế toán vốn bằng tiền là công cụ quản lý, tính toán kinh tế cung cấp các thông tin vốn bằng tiền cho các nhà quản lý để có cơ sở ra các quyết định về sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn bằng tiền,....

Ở nước ta trong thời gian qua thực tế cho thấy cho thấy ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung, vốn bằng tiền nói riêng còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng của chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ sản xuất kinh doanh. Công tác hạch toán còn bị buông lỏng.

Từ nhận thức đã nêu trên, trong quá trình học tập và được thực tập tại Công ty Cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long em đã đi sâu nghiên cứu tìm hiểu vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền và đã chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là : “ Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.”

Ngoài lời mở đầu và kết luận khóa luận gồm ba chương:

Chương I: Một số vấn đề lý luận chung về vốn bằng tiền và công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương II: Công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

Khoá luận được viết với sự giúp đỡ của các cán bộ trong phòng kế toán của công ty, của các thầy cô giáo và thầy giáo hướng dẫn. Vì trình độ còn hạn

ché, thời gian có hạn nên bài viết chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót, em rất mong sự góp ý của các thầy cô giáo và các bạn để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Minh Huệ

Em xin trình bày nội dung khóa luận:

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề lý luận chung về vốn bằng tiền

1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền và đặc điểm vốn bằng tiền.

☞ Khái niệm:

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, và tiền đang chuyển. Đặc trưng của vốn bằng tiền là có tính thanh khoản cao, do vậy vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa để sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp.

☞ Đặc điểm:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Với tính lưu hoạt cao nhất – vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng cho nhu cầu thanh toán, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Nhằm đảm bảo cho quá trình tái sản xuất được thực hiện thường xuyên, liên tục. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thoả thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho ngân hàng

1.1.2. Vị trí, vai trò, sự cần thiết của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất

kinh doanh của doanh nghiệp.**❖ Vị trí:**

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Vốn bằng tiền có vị trí quan trọng nhất không thể thay thế trong hoạt động sản xuất kinh doanh vì không có vốn bằng tiền doanh nghiệp không thể có điều kiện vật chất để hoạt động. Trong điều kiện hiện nay phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Vai trò:

- Trong quá trình kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm TSCĐ, vật tư hàng hoá sản xuất kinh doanh, trả lương cho người lao động.

- Vốn bằng tiền còn là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ.

- Vốn bằng tiền là chi phí cho các hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh được liên tục, đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

❖ Sự cần thiết vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là tài sản tồn tại trực tiếp dưới hình thức tiền tệ bao gồm : tiền mặt tại quỹ, tiền gửi Ngân hàng và tiền đang chuyển. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc để mua sắm vật tư, hàng hoá để phục vụ sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu nợ của các khoản công nợ. Chính vì vậy quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp và là một bộ phận của vốn lưu động. Mặt khác, vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải

quản lý hết sức chặt chẽ vì trong quá trình luân chuyển rất dễ bị tham ô, lợi dụng, mất mát. Do vậy, việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

-Vốn bằng tiền giúp cho doanh nghiệp có cơ sở để tính toán và kiểm tra kết cấu tối ưu vốn lưu động bỏ ra. Vốn bằng tiền nhằm đảm bảo về mặt tài chính cho quá trình tái sản xuất tiến hành được thuận lợi với một số phương tiện tài chính tối ưu.

1.1.3. Các loại vốn bằng tiền.

Các loại vốn bằng tiền

•Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

-Tiền Việt Nam

-Ngoại tệ

-Vàng bạc , kim khí , đá quý

•Nếu phân loại theo trạng thái tồn tại nơi quản lý, vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:

-Tiền tại quỹ : gồm giấy bạc Việt nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý, ngân phiếu hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh

-Tiền gửi Ngân hàng: là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại Ngân hàng.

-Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

Doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch thu, chi (ngắn hạn, dài hạn), duy trì một lượng tiền tồn quỹ hợp lý để sử dụng.

1.1.4. Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Tiền mặt phải được quản lý chặt chẽ không để thất thoát theo từng loại.

- Các hoạt động thu chi của vốn bằng tiền phải rõ ràng, rành mạch có chứng từ gốc hợp lệ.

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải nắm được số tiền tồn quỹ, số dư, để có hướng sử dụng.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại vốn bằng tiền, kiểm tra, và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.

1.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp

1.2.1. Những quy định chung về kế toán vốn bằng tiền.

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên Có các TK 1112, 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước xuất trước; Nhập sau xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại

hàng hoá đặc biệt).

- Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ được xử lý chênh lệch như sau:

+ Nếu chênh lệch phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) thì số lãi do tỷ giá được phản ánh vào TK 515- doanh thu hoạt động tài chính, và lỗ do tỷ giá được phản ánh vào TK 635- chi phí tài chính

+ Nếu chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (là giai đoạn trước hoạt động) thì số chênh lệch được phản ánh vào TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái.

+ Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

+ Đối với vàng bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí, đá quý.

+ Vàng bạc, kim khí, đá quý phải được theo dõi về số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị từng thứ, từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí, đá quý nhập vào quỹ được tính theo giá thực tế (giá hoá đơn hoặc giá thanh toán).

+ Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

1.2.2. Hạch toán kế toán vốn bằng tiền

1.2.2.1. Hạch toán kế toán tiền mặt

1.2.2.1.1. Hạch toán kế toán tiền mặt Việt Nam

1) Quy định chung kế toán tiền mặt tại quỹ:

- Để hạch toán chính xác tiền mặt thì tiền mặt của doanh nghiệp phải được tập trung tại quỹ, mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và

bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ không được nhờ người khác làm thay. Trong trường hợp cần thiết thì phải làm thủ tục uỷ quyền cho người làm thay và phải được sự đồng ý của Giám đốc.

- Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thì thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

2) Chứng từ sổ sách thường dùng cho kế toán tiền mặt.

- Phiếu thu (Mã số 01 – TT)
- Phiếu chi (Mã số 02- TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mã số 03 – TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mã số 04 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mã số 05 – TT)
- Biên lai thu tiền (Mã số 06- TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí, đá quý (Mã số 07- TT)
- Bảng kê chi tiền (Mã số 09 – TT)

- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ Kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
- Và các sổ liên quan.

3) Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản :

+) Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ, kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu, chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý của doanh nghiệp.

Tài khoản 111 – tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1111 – Tiền Việt Nam*: phản ánh tình hình thu, chi tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- *Tài khoản 1112 – Ngoại tệ*: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý*: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

+) Kết cấu TK 111 như sau:

Bên nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

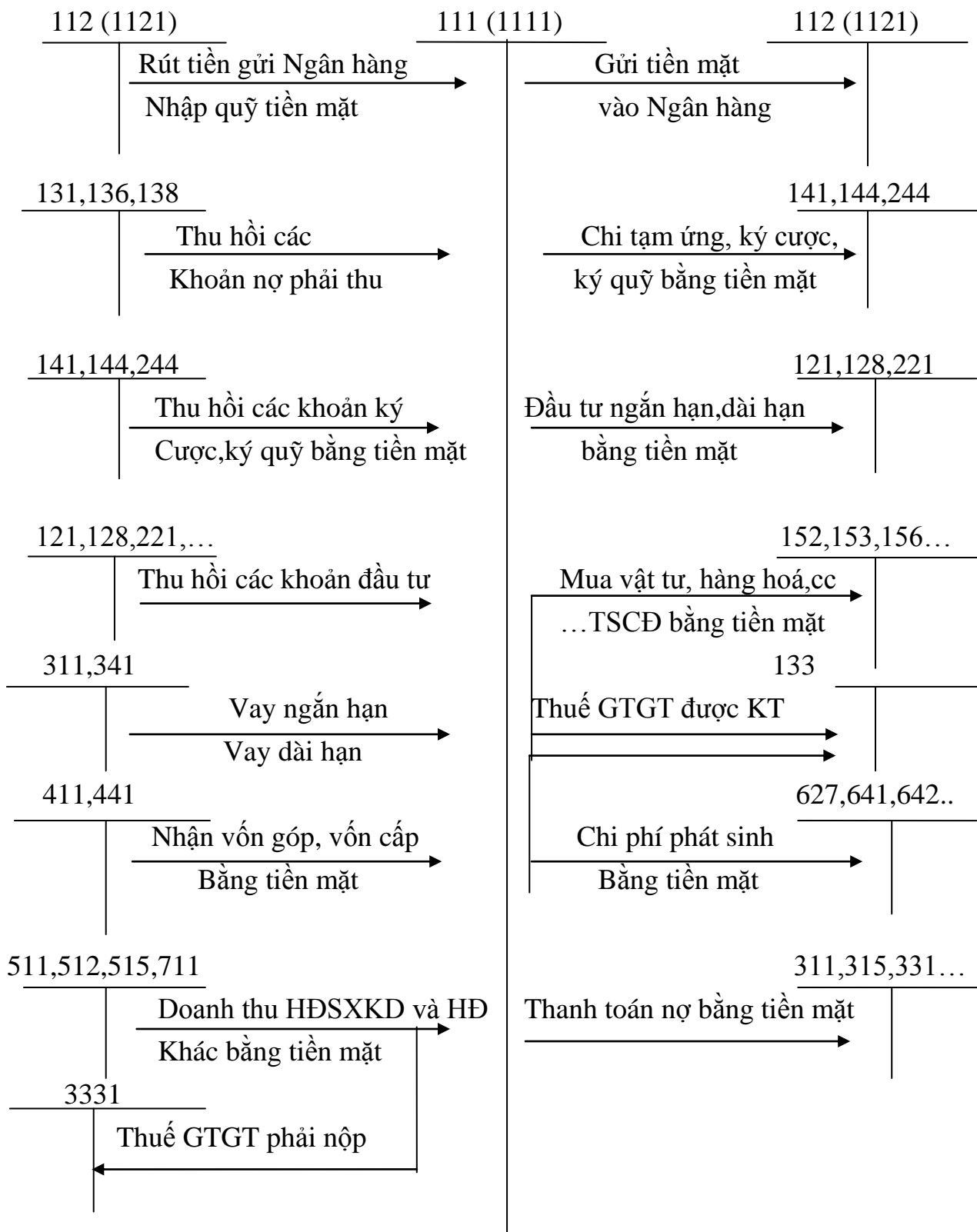
Bên có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Số dư bên nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

4) Sơ đồ hạch toán tiền mặt



1.2.2.1.2. Hạch toán kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ:

1) Quy định chung kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ:

Một nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ, phải được quy đổi từ ngoại tệ sang đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Đồng thời phải ghi chép bằng ngoại tệ trên TK 007 “ Ngoại tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với TK thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định, dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 515 hoặc TK 635.

Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 635 và 515.

2) Chứng từ sổ sách thường dùng cho kế toán tiền mặt ngoại tệ:

- Bảng kê ngoại tệ, vàng bạc, đá quý (Mẫu số 07 – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ dùng cho NT, VBĐQ (Mẫu số 08b –TT)
- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
- Và các sổ liên quan.

3) Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản:

+) Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 1112 – Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

• Kết cấu TK 007 – Ngoại tệ các loại:

TK 007 - Ngoại tệ các loại

Ngoại tệ tăng trong kỳ	Ngoại tệ giảm trong kỳ
<p><u>SD:</u> Ngoại tệ hiện có</p> <p>➤ Cuối kỳ đánh giá lại giá trị ngoại tệ</p>	

✎ Bên Nợ :

- Chênh lệch tỷ giá giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

- Chênh lệch tỷ giá tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá.

✎ Bên Có :

- Chênh lệch tỷ giá tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

- Chênh lệch tỷ giá giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá.

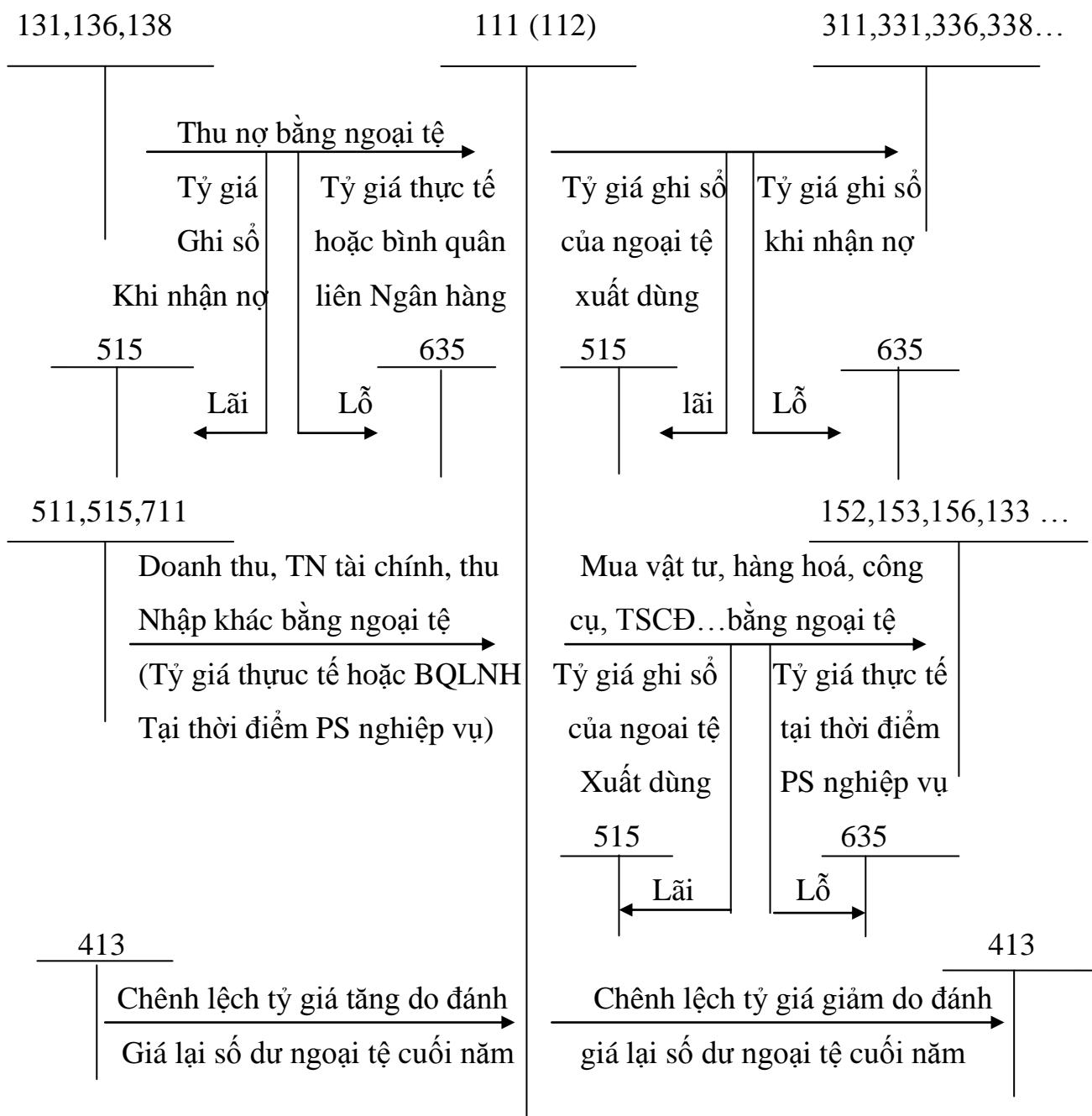
Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

✎ Dư Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

✎ Dư Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái chỉ được xử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4) Sơ đồ hạch toán tiền mặt bằng ngoại tệ:



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại.

007

Thu nợ bằng ngoại tệ -Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ -Mua vật tư, hàng hoá, công cụ, TSCĐ... Bằng ngoại tệ
---	--

*1.2.2.1.3. Hạch toán kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí, đá quý:**1) Quy định chung kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí, đá quý.*

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK 111(1113). Do vàng, bạc, kim khí, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán....

- Đối với vàng, bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở TK tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí, đá quý.

- Khi phát sinh nghiệp vụ có vàng, bạc, kim khí, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì ghi sổ theo giá mua thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán).

- Khi xuất vàng, bạc, kim khí, đá quý có thể tính giá bình quân hoặc giá trị thực tế đích danh. Tuy nhiên do vàng, bạc, kim khí, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp tính giá thực tế đích danh thường được sử dụng.

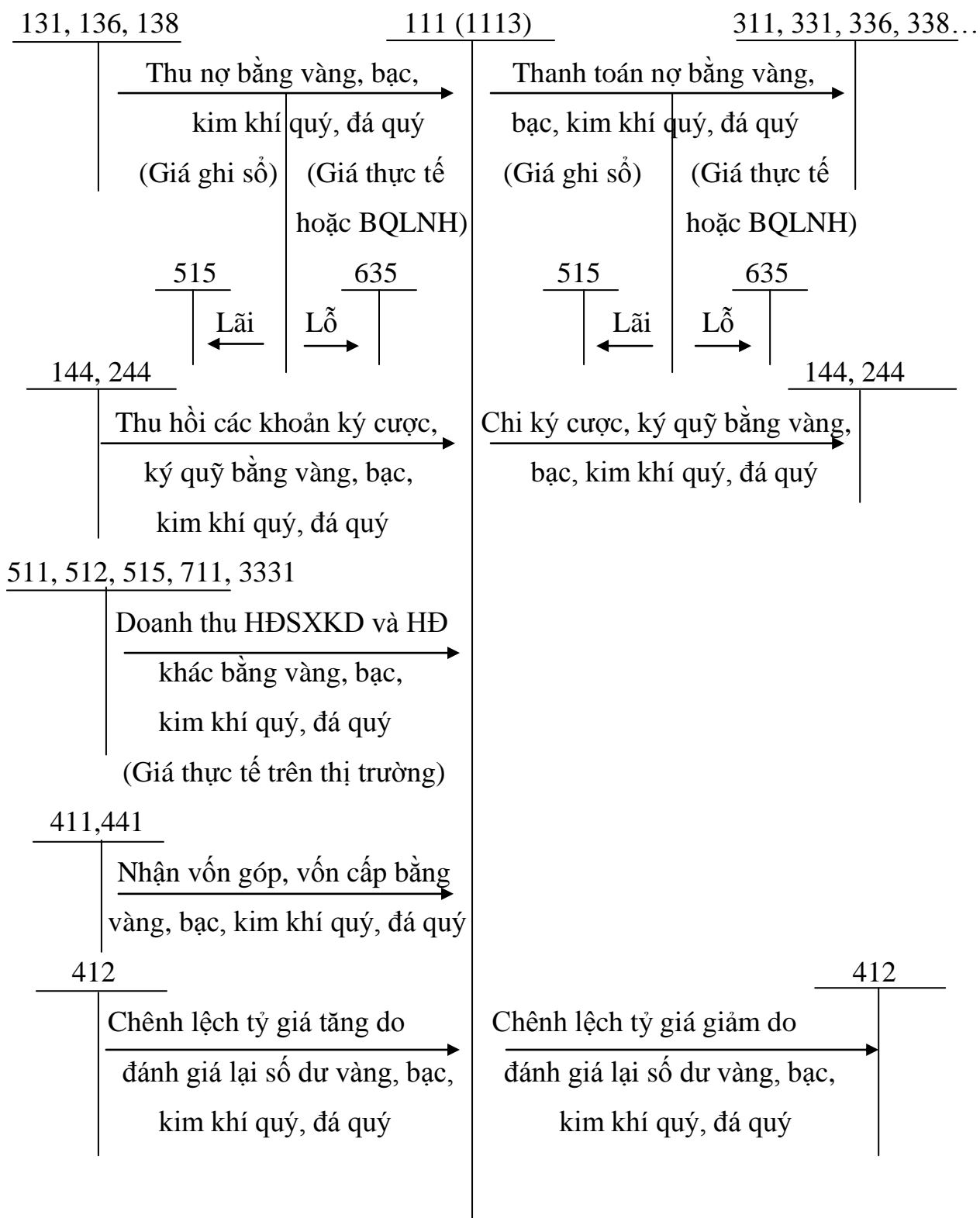
- Nếu có chênh lệch giữa giá xuất và thanh toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 711 “ Thu nhập khác” hoặc TK 811 “ chi phí khác”.

- Riêng vàng, bạc, kim khí, đá quý nhận ký cược, ký quỹ nhập theo giá nào thì khi xuất hoàn trả lại phải theo giá đó và phải đếm số lượng, cân trọng lượng và giám định chất lượng trước khi niêm phong.

2) Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

3) Sơ đồ hạch toán kế toán tiền mặt là vàng, bạc, kim khí, đá quý:



1.2.2.2. Hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn vừa thuận tiện, chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

- Theo chế độ quản lý tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số tiền được giữ lại tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại ngân hàng bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

1.2.2.2.1. Hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam

1) Quy định chung kế toán tiền gửi Ngân hàng:

- Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng” là giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc bảo chi, ...)

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 “Phải thu khác” (1388) (Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở TK chuyên thu, chuyên chi hoặc mở TK thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc thanh toán, giao dịch. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng TK ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

- Mọi khoản tiền nhàn rỗi của doanh nghiệp phải gửi vào Ngân hàng hoặc kho bạc hay công ty tài chính khi cần tiêu thụ doanh nghiệp phải làm thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Việc hạch toán tiền gửi Ngân hàng đòi hỏi phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi. Chứng từ hạch toán chi tiết các loại tiền gửi là các Giấy báo Nợ, Giấy báo có hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, Séc chuyên khoản ...). Hàng ngày khi nhận được chứng từ do Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra và đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo.

2) Chứng từ sổ sách thường dùng cho kế toán tiền gửi Ngân hàng.

- Giấy báo Nợ, Giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyên khoản, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...).
- Ủy nhiệm thu (UNT), ủy nhiệm chi (UNC)
- Sổ cái TK 112
- Sổ tiền gửi Ngân hàng

3) Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản:

+) Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi kế toán sử dụng TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng. TK 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các Ngân hàng và các công ty tài chính.

Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1121 – Tiền Việt Nam:* phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1122 – Ngoại tệ:* Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã được quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- *Tài khoản 1123 – Vàng, bạc kim khí quý, đá quý:* Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

+) *Kết cấu tài khoản:*

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng;

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên Có:

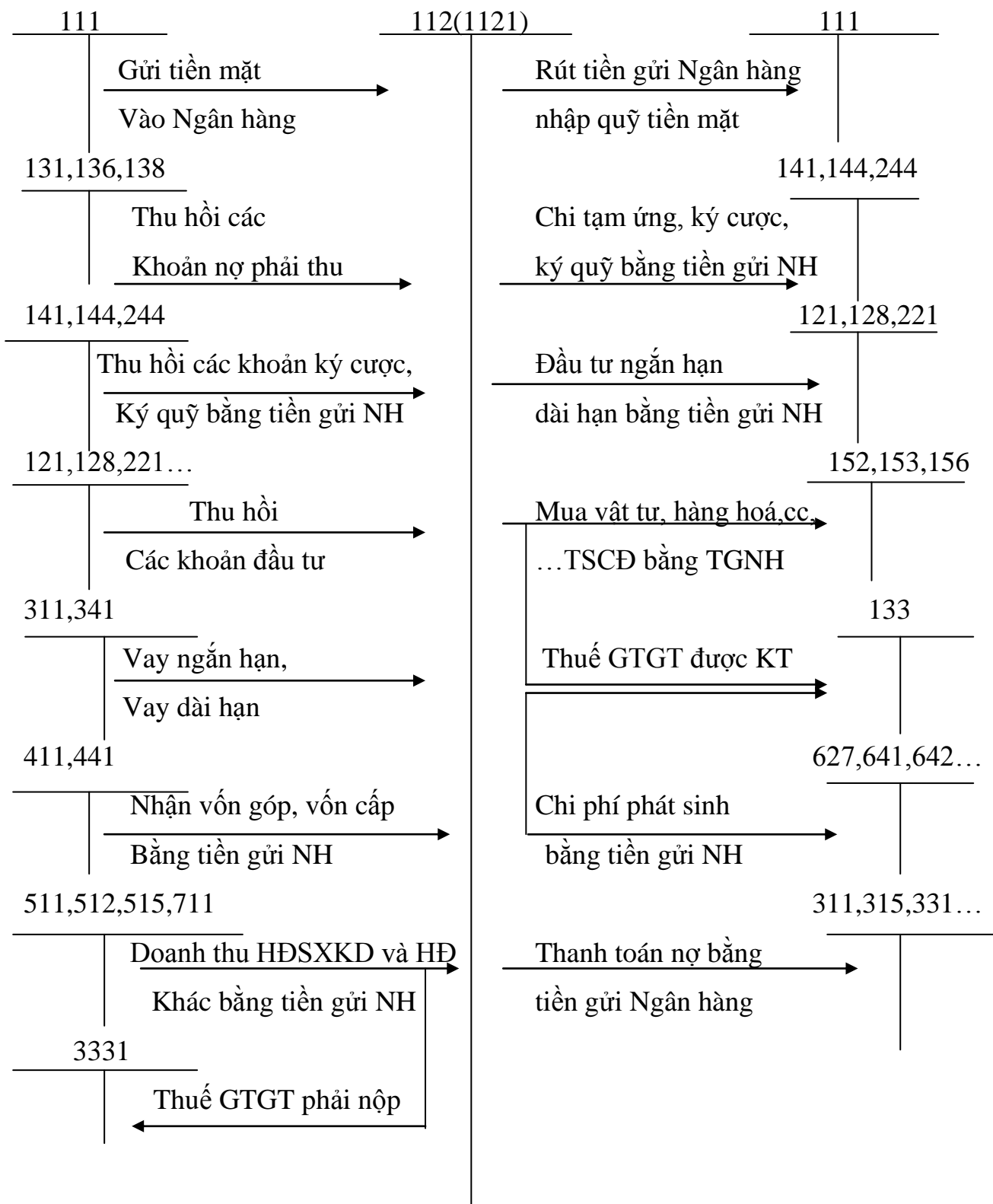
- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng;

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng.

4) Sơ đồ hạch toán tiền gửi Ngân hàng (VND):



*1.2.2.2.2. Hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ**1) Quy định chung kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ*

- Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (Kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XD CB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK 635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132).

- Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

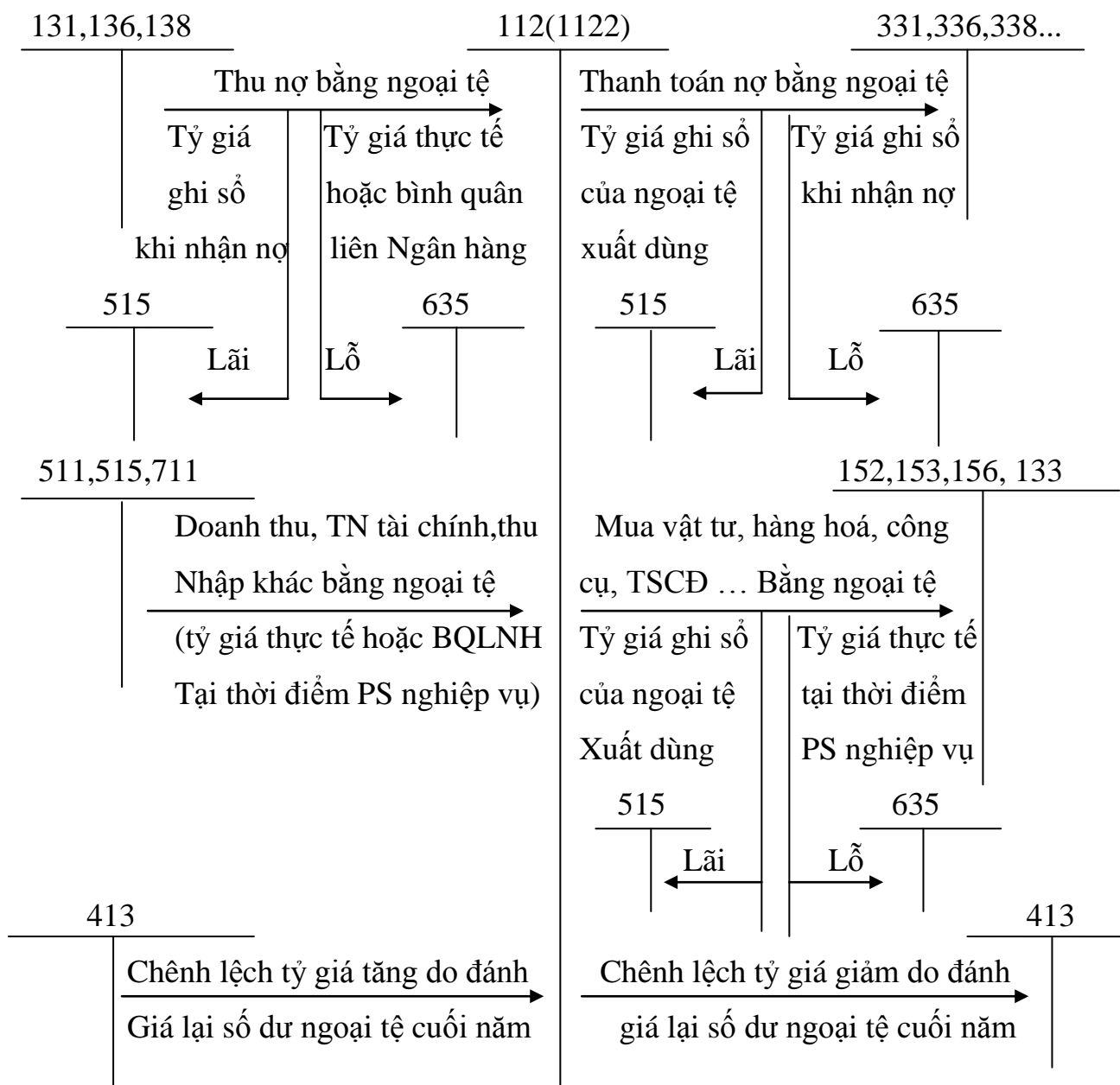
Hằng ngày căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của Ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán tiền gửi Ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

2) Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 1122 – Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã được quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 007- ngoại tệ các loại (TK ngoài Bảng CĐKT).

3) Sơ đồ hạch toán tiền gửi Ngân hàng (ngoại tệ):



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại.

007

Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hoá, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ
--	---

1.2.2.3. Hạch toán kế toán tiền đang chuyển

1) Quy định chung kế toán tiền đang chuyển

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

- Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- + Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng;
- + Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác;
- + Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

- Chỉ phản ánh vào TK 111 “ Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thức tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp) thì không ghi vào nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “ Tiền đang chuyển”.

2) Chứng từ thường dùng cho kế toán tiền đang chuyển

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền
- Một số chứng từ có liên quan khác.

3) Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản:

+) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 113 – Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1131 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- Tài khoản 1132 – Ngoại tệ: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

+) Kết cấu TK 113 – “Tiền đang chuyển”

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân

hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên Có:

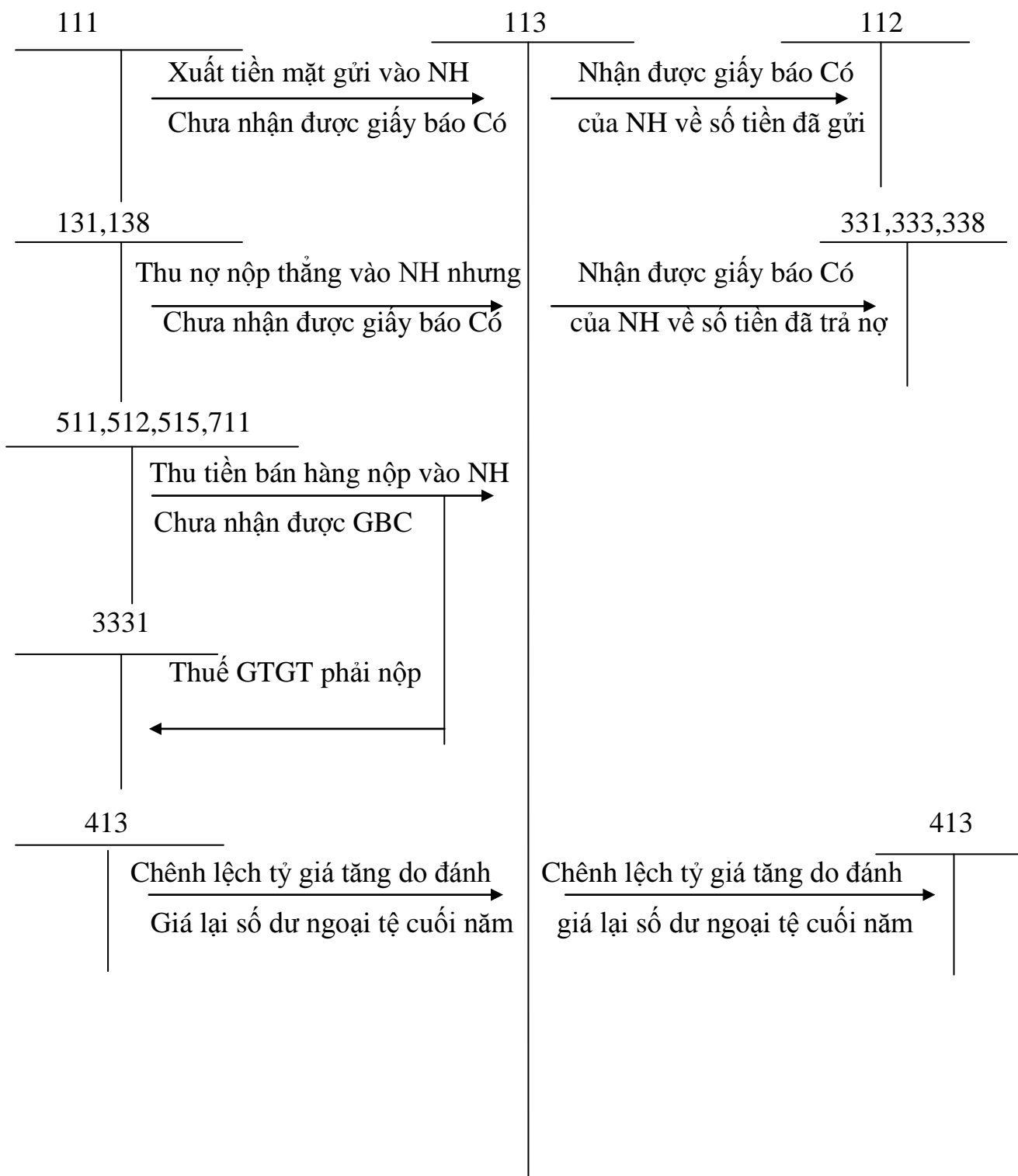
- Số kết chuyển vào Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;

- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

4) Sơ đồ hạch toán tiền đang chuyển



CHƯƠNG II: CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẢNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN T.M VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ LONG

2.1. Khái quát về Công ty Cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

☞ Lịch sử hình thành công ty

Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long là Công ty Cổ Phần do các cổ đông góp vốn được thành lập theo giấy phép đầu tư số 2203000727 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Quảng Ninh cấp, là Công ty có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng và tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Cũng như các doanh nghiệp tư nhân khác Công ty Cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long được quyền chủ động trong quan hệ tìm kiếm việc làm, khai thác vật tư, kiểm soát nguồn vốn và lao động cũng như ký hợp đồng kinh tế và mở tài khoản tại Ngân hàng.

Tên công ty :

- Tên công ty viết tắt bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ LONG

- Tên công ty viết tắt bằng tiếng nước ngoài: HA LONG JOINT STOCK COMPANY

- Tên công ty viết tắt: HA LONG COMPANY

Công ty có :

Trụ sở chính : Tổ 1 khu 10, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại :033.649316

Fax: 033.649316

Mã số thuế (MST) : 5700619891

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 22.03.000727

Công ty có vốn điều lệ: 600.000.000 đồng.

2.1.2 Đặc điểm kinh doanh của công ty Cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

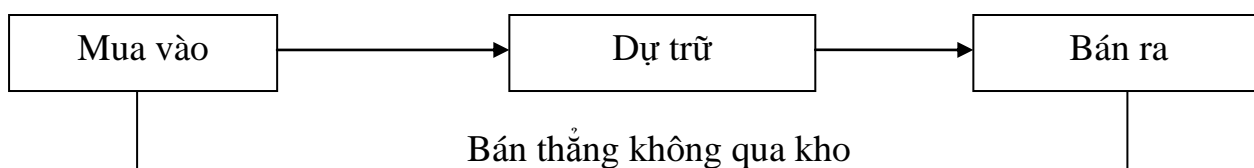
2.1.2.1. Ngành nghề và nhiệm vụ chủ yếu của công ty:

- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa.
- Kinh doanh nhà hàng khách sạn.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá thuỷ, bộ.
- Đại lý hàng dầu nhớt và mỡ công nghiệp.
- Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hoá.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp.
- San lấp mặt bằng.

2.1.2.1.1 Đặc điểm về luân chuyển hàng hoá tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long

Với đặc điểm là một doanh nghiệp thương mại, công việc kinh doanh chủ yếu là mua vào và bán ra nên công tác tổ chức quản lý kinh doanh của công ty được thể hiện như sau:

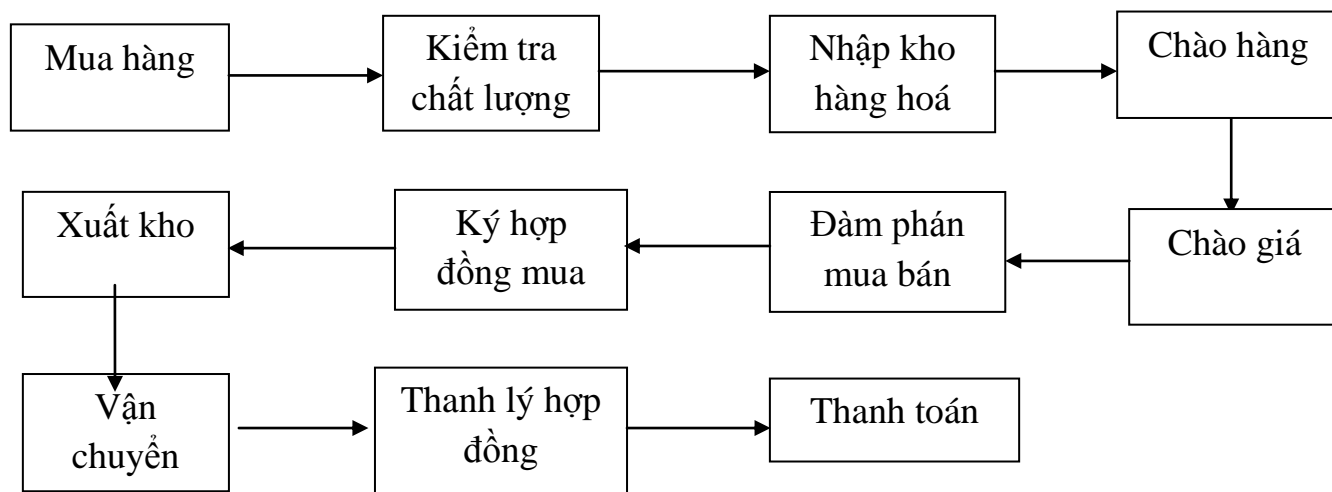
Sơ đồ 1.1: Quy trình luân chuyển hàng hoá của công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.



2.1.2.1.2 Quy trình kinh doanh của Công ty Cổ Phần T.M và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

Quy trình kinh doanh của công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2 : Quy trình kinh doanh của Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.



Với một quy trình kinh doanh hợp lý và khoa học đối với một doanh nghiệp thương mại, các khâu trong qua trình mua bán cung cấp dịch vụ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và luôn nhận được sự kiểm tra theo dõi thường xuyên của bộ phận quản lý. Công ty đã ngày càng đạt được những hiệu quả nhất định trong công việc kinh doanh của mình.

2.1.2.2. Tình hình phát triển của công ty.

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu \ Năm	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1.Tài sản cố định	16.128.098.789	16.567.211.655	16.305.419.522
2.Vốn lưu động	3.304.805.554	4.946.633.762	4.957.879.123
3.Lao động	45	47	50
4.Doanh thu bán hàng	113.982.374.912	115.654.789.113	116.075.180.077
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.652.928.316	6.123.476.891	6.551.014.063
6. Lợi nhuận trước thuế	189.688.907	197.567.612	258.152.566
7. Thuế TNDN	47.422.227	49.391.903	64.538.142
8. Lợi nhuận sau thuế	142.266.680	148.175.709	193.614.425

Sau 5 năm thành lập Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long đã phải trải qua rất nhiều khó khăn nhưng nhờ vào sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Giám đốc công ty, cùng với sự năng động , sáng tạo, nhiệt tình,

ham học hỏi của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như người lao động trong công ty mà tình hình của công ty luôn được cải thiện, thành tích đạt được của Công ty qua các năm đã được nâng lên một cách rõ rệt .

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong ba năm ta thấy rằng, mặc dù kết quả hoạt động không cao nhưng nó cũng thể hiện sự cố gắng của công ty trước cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Cụ thể: Doanh thu bán hàng tăng từ năm 2010 so với năm 2009 là 1.672.414.200 đ, tương ứng với tỷ lệ 1.47%, từ năm 2011 so với 2010 doanh thu bán hàng cũng tăng nhưng không đáng kể là 420.390.900 đ, tương ứng với tỷ lệ 0.36%. Lợi nhuận trước thuế cũng tăng từ năm 2010 so với năm 2009 là 7.878.705 đ, tương ứng với tỷ lệ 4.15%, từ năm 2011 so với năm 2010 là 60.584.954 đ, tương ứng với tỷ lệ 30.67%.

Hơn nữa Công ty luôn quyết tâm nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao, Công ty thực hiện và chịu trách nhiệm vật chất về những cam kết của mình với những hợp đồng kinh tế đã ký kết với khách hàng và ngược lại. Công ty thực hiện hạch toán kinh tế trên cơ sở tuân thủ các chủ trương chính sách, pháp luật và các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và địa phương. Tôn trọng và đảm bảo quyền lợi vật chất, tinh thần của người lao động ở trong đơn vị và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà Nước.

2.1.2.3. Tình hình nguồn vốn của công ty

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
Tài sản		
A. Tài sản ngắn hạn	1.545.063.999	3.800.380.396
B. Tài sản dài hạn	107.338.778	139.271.796
Nguồn vốn		
A. Nợ phải trả	880.532.676	3.006.981.570
I. Nợ ngắn hạn	880.532.676	3.006.981.570
II. Nợ dài hạn		
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	771.870.101	932.670.622

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty

2.1.3.1 Những thuận lợi:

Năm 2011, công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, Thủ trưởng Bộ Tư Lệnh và hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

Sản phẩm hàng hoá và chất lượng dịch vụ của công ty đã được khách hàng ngày càng tin tưởng và tín nhiệm.

Bộ máy quản lý điều hành ở các đơn vị từng bước được tăng cường, củng cố và kiện toàn.

2.1.3.2 Những khó khăn:

-Do ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế thế giới giá cả nhiều mặt hàng tăng cao, không ổn định như nhiên liệu, sắt, thép, trong đó giá bán sản phẩm đầu ra lại không tăng và có xu hướng giảm do sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường.

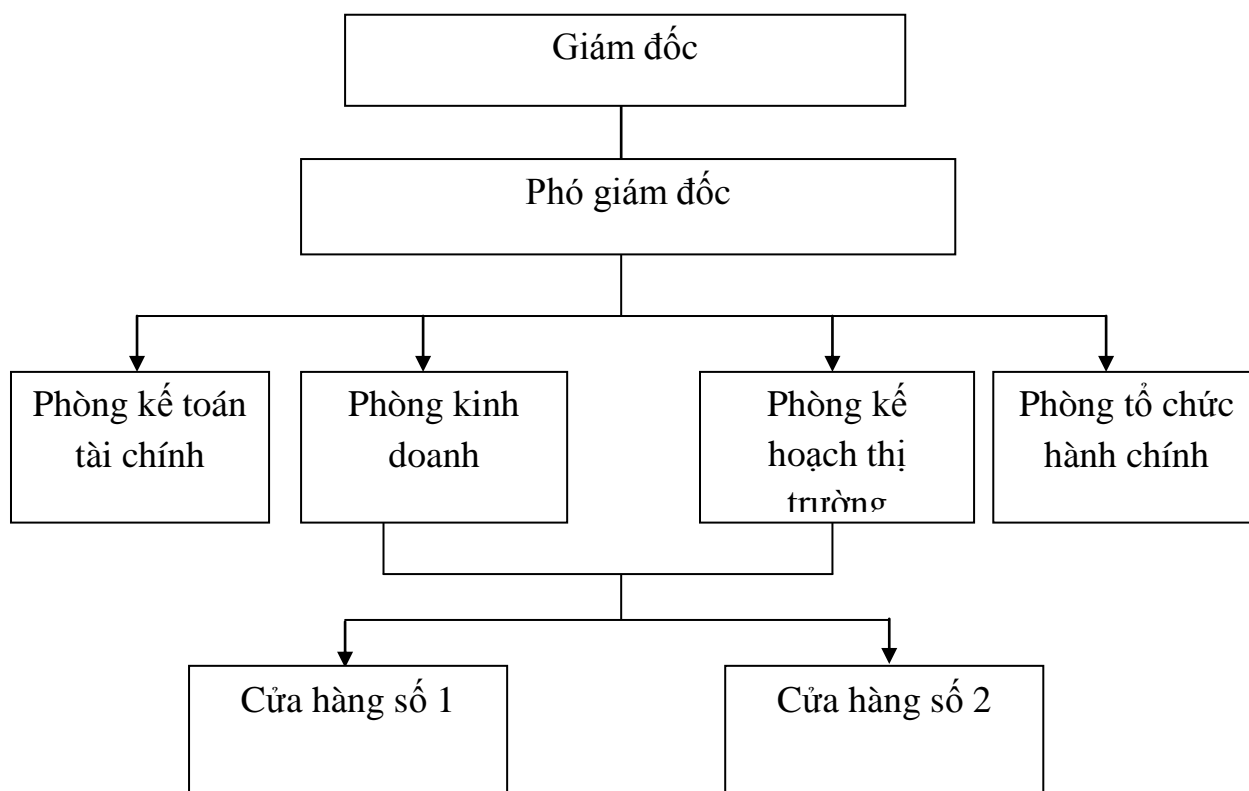
-Thời tiết có những diễn biến bất thường đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

-Trình độ, năng lực của một số cán bộ, nhân viên còn nhiều bất cập, lao động có kỹ thuật, có trình độ còn thiếu, chưa thực sự năng động.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư phát Triển Hạ Long.

Căn cứ vào yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến tham mưu. Với cơ cấu này các phòng ban có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc. Thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3: Mô hình bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long



Giám đốc: là người có thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm toàn diện và điều hành toàn bộ hoạt động của công ty; là người trực tiếp chỉ đạo công tác kế hoạch tháng, quý, năm, công tác tài chính kế toán, công tác tổ chức cán bộ, công tác thanh tra, thi đua khen thưởng.

Phó giám đốc thay thế giám đốc giải quyết các công việc của công ty, khi được uỷ quyền, chịu trách nhiệm trước giám đốc và khách hàng về việc đảm bảo chất lượng được thiết lập, thực hiện và duy trì thuộc lĩnh vực được phân công.

Các phòng ban chuyên môn: Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc. Công ty hiện có 4 phòng nghiệp vụ với chức năng được quy định như sau:

Phòng kinh doanh: có chức năng tham mưu, đề xuất các phương án kinh doanh với ban giám đốc về công tác kế hoạch kinh doanh, có nhiệm vụ nghiên cứu đánh giá thu thập các thông tin kinh tế để báo cáo cho giám đốc lựa chọn phương hướng kinh doanh phù hợp. Xây dựng các chiến lược kế hoạch kinh tế

ngắn hạn, trung hạn, dài hạn cho công ty, ký kết các hợp đồng mua bán các hàng hoá phục vụ cho hoạt động kinh doanh và cùng phòng kế toán theo dõi thu hồi công nợ.

- *Phòng Kế toán - Tài chính*: có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

- *Phòng kế hoạch thị trường* : tham mưu cho giám đốc về công tác thị trường, công tác đầu tư, xây dựng và thực hiện kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn.

- *Phòng tổ chức hành chính*: lưu giữ công văn, tài liệu, hồ sơ giấy tờ liên quan đến công ty. Soạn thảo văn bản, bảo mật, quản lý trang thiết bị của công ty có hiệu quả.

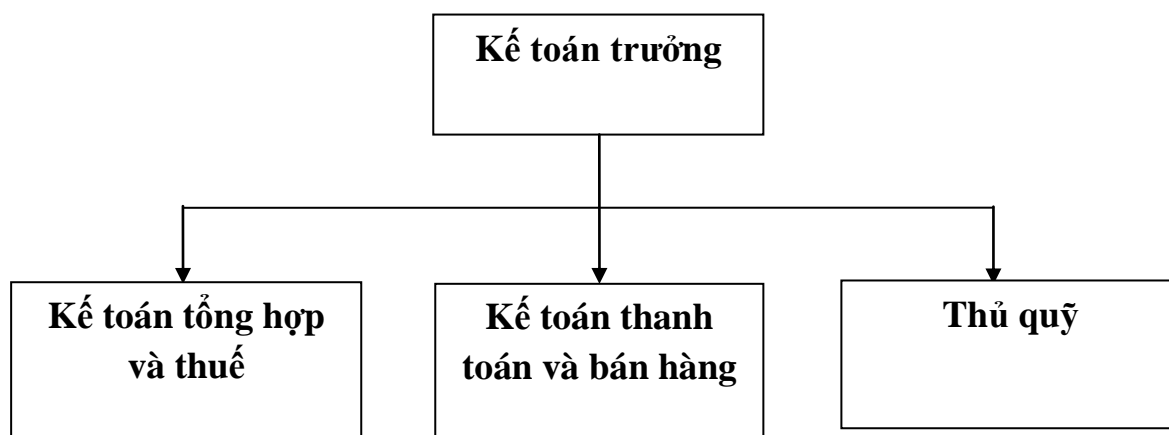
Với cơ cấu tổ chức như vậy mọi hoạt động của công ty đã diễn ra tương đối hiệu quả. Các phòng ban chức năng có nhiệm vụ giúp đỡ và trợ giúp cho giám đốc trong việc ra quyết định đúng đắn tác động lên quá trình kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, công ty vẫn không ngừng đổi mới nhằm tìm ra một cơ cấu phù hợp hơn với hoạt động của công và thích ứng với những thay đổi liên tục của nền kinh tế.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp

Tổ chức công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng, đảm bảo thực hiện vai trò kế toán trong quản lý. Do đó tổ chức công tác kế toán một cách khoa học và hợp lý là một tất yếu không thể thiếu được. Chính vì vậy công ty cũng rất chú trọng tốt việc tổ chức công tác kế toán. Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung ở phòng kế toán. Tại phòng tài chính- kế toán, kế toán tiến hành kiểm tra chứng từ ban đầu, phân loại xử lý ghi sổ, hệ thống hoá số liệu, thực hiện chế độ báo cáo tài chính tháng, quý, năm để cung cấp thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản lý tài chính và cung cấp với các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

Sơ đồ 1.4: Cơ cấu bộ máy của phòng tài chính kế toán



Trong đó:

- *Kế toán trưởng*: là người phụ trách chung, chịu trách nhiệm cao nhất về kế toán trước giám đốc. Kế toán trưởng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát mọi số liệu trên sổ sách kế toán, đôn đốc các bộ phận kế toán chấp hành đúng quy chế, chế độ kế toán nhà nước ban hành, đồng thời có nhiệm vụ theo dõi tài sản của Công ty, tính khấu hao tăng giảm số tài sản cố định trong năm.

- Báo cáo với các cơ quan chức năng cấp trên về tình hình hoạt động tài chính của Công ty như báo cáo với cơ quan thuế tình hình làm nghĩa vụ với nhà nước. Nắm bắt và phân tích tình hình tài chính của Công ty về vốn và nguồn vốn để tham mưu cho lãnh đạo Công ty biết tình hình tài chính của Công ty để ra quyết định quản lý kịp thời, chính xác cùng giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về tài chính của Công ty như phê duyệt các văn bản, giấy tờ, sổ sách liên quan tới tài chính.

- *Kế toán tổng hợp và thuế*: giúp kế toán trưởng tổ chức công tác kiểm tra kinh tế trong công ty theo kế hoạch. Có nhiệm vụ xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu, chứng từ mà kế toán viên giao cho để lập báo cáo tài chính. Kiểm tra việc ghi chép, luân chuyển chứng từ sau đó báo cáo lại cho kế toán trưởng. Đồng thời tập hợp và tính đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế phải nộp cho ngân sách nhà nước như thế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, tập hợp chi phí kinh doanh phát sinh trong kỳ.

- *Kế toán thanh toán và kế toán bán hàng*: có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho, kiểm tra hàng hoá, theo dõi các khoản công nợ với người bán, kiểm tra các khoản thanh toán của khách hàng, theo dõi và thanh toán các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác.

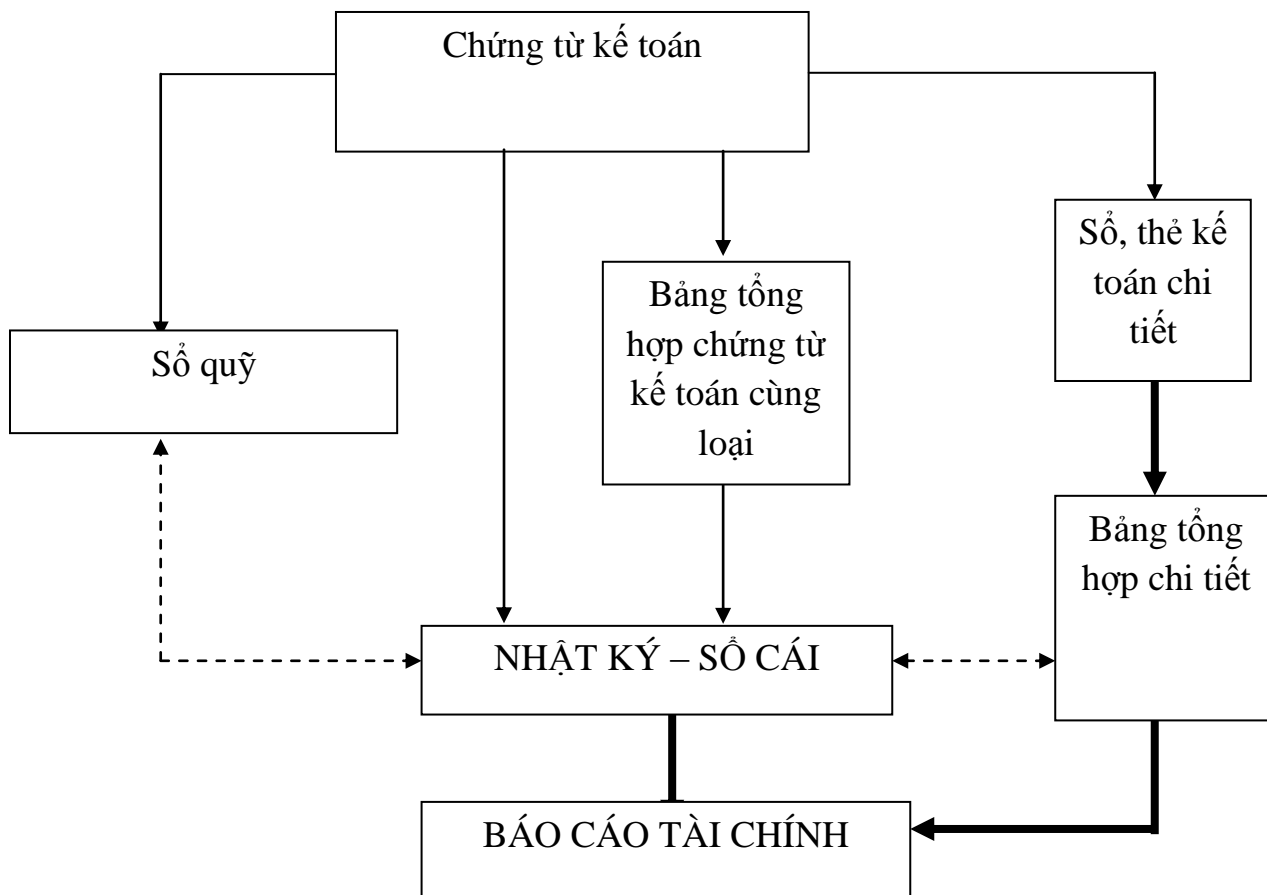
- *Thủ quỹ*: thực hiện các khoản thu, chi tiền mặt tại quỹ của Công ty dựa trên các phiếu thu, phiếu chi hàng ngày cho kế toán viên lập. Ghi chép kịp thời, phản ánh chính xác thu, chi và quản lý tiền mặt hiện có, thường xuyên báo cáo tình hình tiền mặt tồn quỹ của Công ty. Ngoài ra, thủ quỹ còn giúp kế toán trưởng theo dõi thời gian làm việc của cán bộ, công nhân viên trong Công ty. Thông qua các báo cáo như bảng chấm công của các bộ phận, phòng ban,... tính ra lương và BHXH phải trả cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Cuối tháng lập bảng thanh toán lương.

Các cán bộ làm công tác kế toán tại công ty đều có trình độ chuyên môn, mỗi người được chuyên môn hoá theo phân hành đồng thời cũng luôn có kế hoạch đối chiếu số liệu với nhau để phát hiện kịp thời những sai sót.

2.1.4.2. Hình thức Sổ kế toán áp dụng tại công ty

Từ đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, công ty áp dụng hình thức Nhật ký – sổ cái.

Sơ đồ 1.5 :Trình tự ghi sổ Kế toán theo hình thức Nhật ký – sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng →

Đối chiếu, kiểm tra ↔

❖ *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký sổ cái*

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái.

Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại)

được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái.

Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.

Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng.

Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản.

Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

2.1.5. Các chính sách kế toán của Công ty

- Hiện nay công ty cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long đang áp dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006 ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ tài chính.

- Hình thức ghi sổ của Công ty áp dụng là hình thức Nhật ký - sổ cái.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn của hàng hóa, tính trị giá hàng tồn kho theo

phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

- Kê khai và nộp thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng để tính giá trị hao mòn của tài sản cố định, tỷ lệ khấu hao được xác định căn cứ theo quyết định số 206/2003/QĐ- BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

- Công ty sử dụng thống nhất một đơn vị tiền tệ là Đồng Việt nam để phục vụ cho việc ghi chép, trường hợp phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi chép kế toán.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.

- Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo quyết định số 166/1999/QĐ – BTC.

2.2. Kế toán Vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

2.2.1.1. Hạch toán thu chi Tiền mặt tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

2.2.1.1.1. Hạch toán thu tiền mặt:

- Thu tiền bán hàng; Khách hàng trả nợ; Rút tiền gửi Ngân hàng về quỹ; Các khoản phải thu khác bằng tiền mặt; Tiền đã tạm ứng nộp lại quỹ; Vay vốn ngắn hạn, dài hạn nhập quỹ; Nhận nguồn vốn kinh doanh được cấp bằng tiền mặt, nhận vốn góp cổ phần, liên doanh; Các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính như thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, lợi nhuận, cổ tức được chia, chênh lệch bán ngoại tệ...; Các khoản thu nhập khác như thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản, tiền được phạt hợp đồng kinh tế, tiền bảo hiểm tài sản...; Nhận ký cược, ký quỹ bằng tiền mặt...

2.2.1.1.2. Hạch toán chi tiền mặt:

- Gửi vào TKTG ngân hàng; Mua vật tư, TSCĐ, hàng hoá; thanh toán các khoản chi phí SXKD; Trả nợ người bán, nợ vay ngân hàng và các tổ chức cá

nhân khác; Nộp thuế và thanh toán các khoản phải trả, phải nộp khác; Chi tạm ứng; Chi lương, Góp vốn cổ phần, liên doanh; Ký cược, ký quỹ bằng tiền mặt; Chi trả lợi nhuận, hoàn trả vốn góp; Mua trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu, cho vay lấy lãi, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác...

2.2.1.2. Quy trình lập phiếu thu, phiếu chi tại công ty.

Trong đó phiếu thu, phiếu chi được đóng thành quyển và được đánh số thành quyển theo thứ tự từ 1 đến n trong 1 năm, số phiếu thu, phiếu chi cũng được đánh số thứ tự từ 1 đến n và mang tính nối tiếp từ quyển này sang quyển khác.

Khi phát sinh các nghiệp vụ về tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu, phiếu chi được lập từ 2 đến 3 liên ghi đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký người thu, người nhận, người cho phép nhập, xuất quỹ, sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt (riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị). Một liên lưu tại nơi lập, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu hoặc chi tiền. Sau khi nhập hoặc xuất quỹ, thủ quỹ phải đóng dấu đã thu hoặc đã chi và kí tên vào phiếu thu, phiếu chi, thủ quỹ giữ một liên để ghi sổ quỹ, cuối ngày chuyển cho kế toán ghi sổ, 1 liên giao cho người nộp hoặc người nhận tiền.

Phiếu chi đi kèm với hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT) – Liên 2: Giao cho khách hàng (màu đỏ).

Phiếu thu đi kèm với hoá đơn GTGT – Liên 3: Liên nội bộ (màu xanh).

2.2.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

+) Chứng từ sử dụng:

Mọi nghiệp vụ thu, chi tại Công ty đều căn cứ vào chứng từ gốc : Phiếu thu (Mã số 01 – TT), Phiếu chi (Mã số 02 – TT) kèm theo các chứng từ có liên quan khác như Hoá đơn GTGT, Giấy đề nghị tạm ứng (Mã số 03-TT), uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo nợ, giấy báo có,...

+) Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ quỹ tiền mặt
- Nhật ký – Sổ cái

2.2.1.4. Tài khoản sử dụng

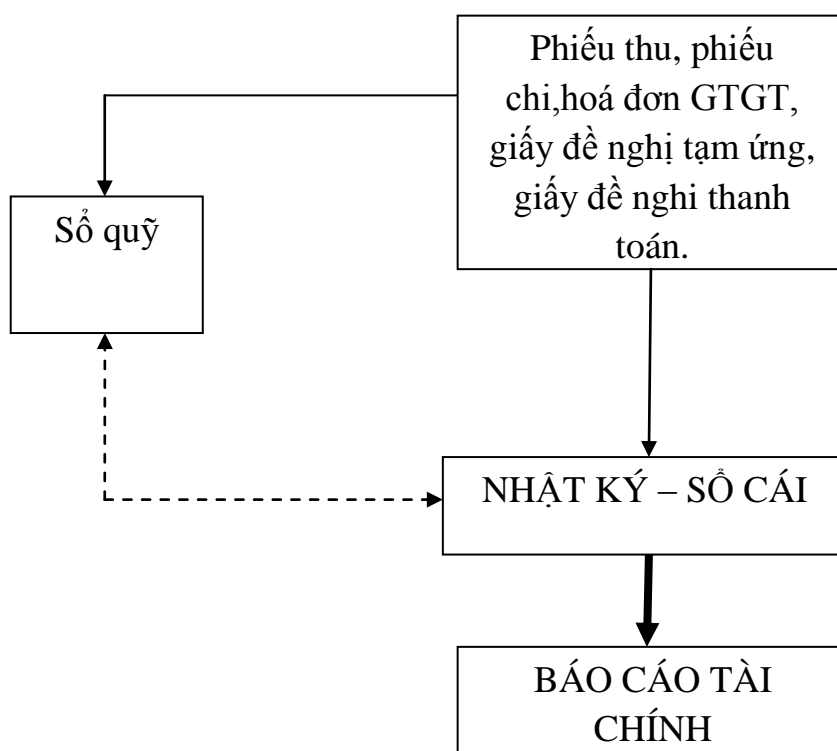
Đề hạch toán tiền mặt kế toán sử dụng tài khoản 111 “ Tiền mặt” (chi tiết TK 1111- Tiền Việt Nam), Tài khoản này dùng để phản ánh quá trình thu, chi tiền mặt, tồn quỹ của công ty.

Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long không phát sinh các hoạt động về tiền mặt là ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

2.2.1.5. Quy trình hạch toán

Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh: phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn GTGT, giấy đề nghị tạm ứng,....Kế toán tiền mặt ghi vào Nhật ký – Sổ cái trên một dòng đồng thời ở cả hai phần: trước hết ghi vào cột ngày tháng, số hiệu của chứng từ , diễn giải nội dung và số tiền của nghiệp vụ trong phần nhật ký, sau đó ghi số tiền của nghiệp vụ vào cột ghi Nợ và cột ghi Có của các tài khoản có liên quan trong phần sổ cái, đồng thời thủ quỹ vào Sổ quỹ tiền mặt. Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.6: Quy trình ghi sổ kế toán tiền mặt



Để hiểu rõ hơn về hoạt động kế toán tiền mặt tại Công ty Cổ Phần T.M Và

Đầu Tư Phát Triển Hạ Long ta có nghiệp vụ sau:

❖ **Nghiệp vụ 1:**

Ngày 10/08/2011 Nguyễn Bảo Ngân – Nhân viên phòng Kế toán rút tiền gửi về nhập quỹ tiền mặt với số tiền: 195.500.000đ.

Kế toán tiền mặt tại quỹ lập phiếu thu (Biểu số 1.1).Sau đó thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ. Căn cứ vào các chứng từ: Phiếu thu, kế toán ghi Sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 1), Nhật Ký – Sổ Cái (biểu số 2).

Đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư

Mẫu số: 01 – TT

Phát Triển Hạ Long

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Bộ phận:.....

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số: 14

Ngày 10 tháng 08 năm

Số: PT 257

2011

Nợ: 111

Có: 112

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Bảo Ngân

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do nộp: Rút tiền gửi Ngân hàng nhập quỹ tiền mặt

Số tiền: 195.500.000 (Viết bằng chữ): Một trăm chín lăm triệu lăm trăm nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo:1.....Chứng từ gốc.

Ngày 10 tháng 08 năm 2011

Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng	trưởng	tiền	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)		

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 1.1: Phiếu thu**❖ Nghiệp vụ 2:**

Ngày 18/08/2011 Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long mua hàng của Công ty TNHH. T.M TRUNG HOÀ theo **HĐ GTGT 0038103** đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐ GTGT (Biểu số 1.2), người mua lập giấy đề nghị thanh toán (Biểu số 1.3). Kế toán căn cứ vào các chứng từ trên để lập phiếu chi (Biểu số 1.4). Sau đó lập Sổ quỹ tiền mặt (biểu số 1), Nhật ký – Sổ cái (biểu số 2).

CỤC THUẾ	HOÁ ĐƠN	Mẫu số: 01/GTKT/3/001														
<u>TỈNH QUẢNG NINH</u>	GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Ký hiệu: 57AB/11P														
	Liên 2: Giao người mua	Số: 0038103														
<i>Ngày 18 tháng 08 năm 2011</i>																
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH. THƯƠNG MẠI TRUNG HOÀ																
Mã số thuế: 5700825397																
Địa chỉ: S413 – Đ. Bãi Muối. T.75.K.8.P. Cao Thắng. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh																
Số tài khoản:																
Điện thoại:																
Họ tên người mua hàng:																
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long																
Địa chỉ: Phường Bãi cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh																
Số tài khoản:																
Hình thức thanh toán: TM MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>			5	7	0	0	6	1	9	8	9	1				
5	7	0	0	6	1	9	8	9	1							
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
A	B	C	1	2	3=1x2											
1	Bình nước nóng QQ30L	Chiếc	04	2.280.000	9.120.000											
2	Bê-tông C702 VN BW	Bộ	04	1.750.000	7.000.000											
3	Phụ kiện PX BW	Bộ	05	250.000	1.250.000											
Cộng tiền hàng:					17.370.000											
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.737.000											
Tổng cộng tiền thanh toán					19.107.000											
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu một trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn./.																
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)												

Biểu số 1.2: Hoá đơn GTGT

Đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu

Mẫu số: 05 – TT

Tư Phát Triển Hạ Long

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Bộ phận:

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 18 tháng 08 năm 2011

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Nguyễn Mai Anh

Bộ phận (hoặc địa chỉ): phòng kế toán

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua hàng theo hoá đơn 0038103 .

Số tiền: 19.107.000 (Viết bằng chữ): Mười chín triệu Một trăm linh bảy nghìn đồng chẵn.

(Kèm theo: 1 chứng từ gốc)

Người đề nghị thanh toán

Kế toán trưởng

Người duyệt

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 1.3: Giấy đề nghị thanh toán

Đơn vị: Công Ty Cổ Phần T.M Và Phát**Mẫu số: 02 – TT****Triển Hạ Long**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Bộ phận:

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số: 13

Ngày 18 tháng 08

Số: PC 365

năm 2011

Nợ: 156.133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Mai Anh

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền mua hàng theo hoá đơn 0038103

Số tiền: 19.107.000 (viết bằng chữ): Mười chín triệu một trăm linh bảy nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc.

Ngày 18 tháng 08 năm 2011

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	phiếu (Ký, họ tên)	tiền (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu Số 1.4: phiếu chi

❖ Nghiệp vụ 3:

Ngày 20/08/2011 Tạm ứng tiền cho chi Bùi Thị Oanh – Phòng kinh doanh mua dầu diesel.

Chi Bùi Thị Oanh căn cứ vào tính chất công việc được giao và theo quy định tạm ứng của Công ty để viết Giấy đề nghị tạm ứng (biểu số 1.5) Giám đốc và kế toán trưởng duyệt chi. Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng đã có đầy đủ chữ ký, kế toán lập phiếu chi (biểu số 1.6). Sau khi thủ quỹ chi tiền xong chuyển cho kế toán ghi vào Sổ quỹ tiền mặt (biểu số 1), Nhật Ký – Sổ Cái (biểu số 2).

Đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư

Mẫu số: 03 – TT

Phát Triển Hạ Long

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Bộ phận:.....

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 20 tháng 08 năm 2011

Số:356.....

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long

Tên tôi là: Bùi Thị Oanh

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: 15.000.000 (Viết bằng chữ): Mười lăm triệu đồng chẵn./.

Lý do tạm ứng: Tạm ứng mua dầu Diesel

Thời gian thanh toán: Sau khi mua dầu

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phụ trách bộ phận

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 1.5: Giấy đề nghị thanh toán

Đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư**Mẫu số: 02 – TT****Phát triển Hạ Long**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Bộ phận:.....

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số: 13

Ngày 20 tháng 08 năm 2011. Số: 368

Nợ: 141

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Bùi Thị Oanh

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Tạm ứng đi mua dầu diesel

Số tiền: 15.000.000. (viết bằng chữ): Mười Lăm triệu đồng chẵn./.

Kèm theo: ...1.....chứng từ gốc.

Ngày 20.tháng 08 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 1.6: Phiếu chi

❖ **Nghiệp vụ 4:**

Ngày 24/08/2011 thu tiền bán hàng lẻ của Cửa hàng số 1

Căn cứ vào HĐ GTGT HL/12P 0000002 ngày (24/008/2011) (Biểu số 1.7) kế toán viết phiếu thu (biểu số 1.8) sau đó làm thủ tục nhập quỹ.

Căn cứ vào các chứng từ gốc trên kế toán vào Sổ quỹ tiền mặt (biểu số 1).
Đồng thời kế toán ghi Nhật Ký – Sổ Cái (biểu số 2).

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: HL/11P															
Liên 3 : nội bộ		Số: 0000002															
<i>Ngày 24 tháng 08 năm 2011</i>																	
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.																	
Mã số thuế: 5700619891																	
Địa chỉ: Tổ 1, khu 10, Phường Bãi cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh																	
Số tài khoản:																	
Điện thoại: 033.6273691																	
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Minh																	
Tên đơn vị: Công ty TNHH quản cáo Kỹ thuật Số Tuấn Ngọc																	
Địa chỉ: Số nhà 9, tổ 2, khu 1, P. Hồng Hà – Hạ Long – Quảng Ninh																	
Số tài khoản:																	
Hình thức thanh toán: TM MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>				5	7	0	1	4	6	5	6	8	3				
5	7	0	1	4	6	5	6	8	3								
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x2												
1	Bình nước nóng inoc 06 30LCG	Cái	02	2.600.000	5.200.000												
Cộng tiền hàng:					5.200.000												
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		520.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					5.720.000												
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.																	
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)													

Biểu số 1.7: Hoá Đơn GTGT

Đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư

Mẫu số: 01 – TT

Phát Triển hạ Long

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Bộ phận:.....

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số:14

Ngày 24 tháng 08 năm 2011.

Số: 258

Nợ: 111

Có: 511,333

Họ và tên người nộp tiền: Đào Mai Linh

Địa chỉ: BP bán hàng

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng của cửa hàng số 1

Số tiền: 5.720.000 (Viết bằng chữ): Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo:1.....Chứng từ gốc.

Ngày 24 tháng 08 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 1.8: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long

Mẫu số: S05a – DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Năm 2011

Ngày, tháng ghi sổ	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
				SDDK			766.593.159	
01/08	01/08	PT253		Rút TGNH về nhập quỹ TM	310.000.000			
02/08	02/08	PT254		Nhập quỹ tiền vay ngắn hạn	500.000.000			
03/08	03/08		PC361	Nộp tiền vào TK ngân hàng		803.000.000		
04/08	04/08		PC362	Thanh toán tiền xăng xe quản lý		3.675.000		
....	
10/08	10/08	PT257		Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	195.500.000			
12/08	12/08		PC364	Thanh toán tiền điện thoại		1.177.273		
.....	
18/08	18/08		PC365	Thanh toán tiền hàng		19.107.000		
20/08	20/08		PC368	Tạm ứng tiền mua dầu diesel		15.000.000		
23/08	23/08		PC369	Thanh toán tiền lệ phí công chứng		1.945.500		
24/08	24/08	PT258		Thu tiền bán hàng	5.720.000			
...	
				Cộng phát sinh	1.229.000.000	994.029.986		
				SDCK			1.001.563.173	

Biểu số 1: Sổ quỹ tiền mặt

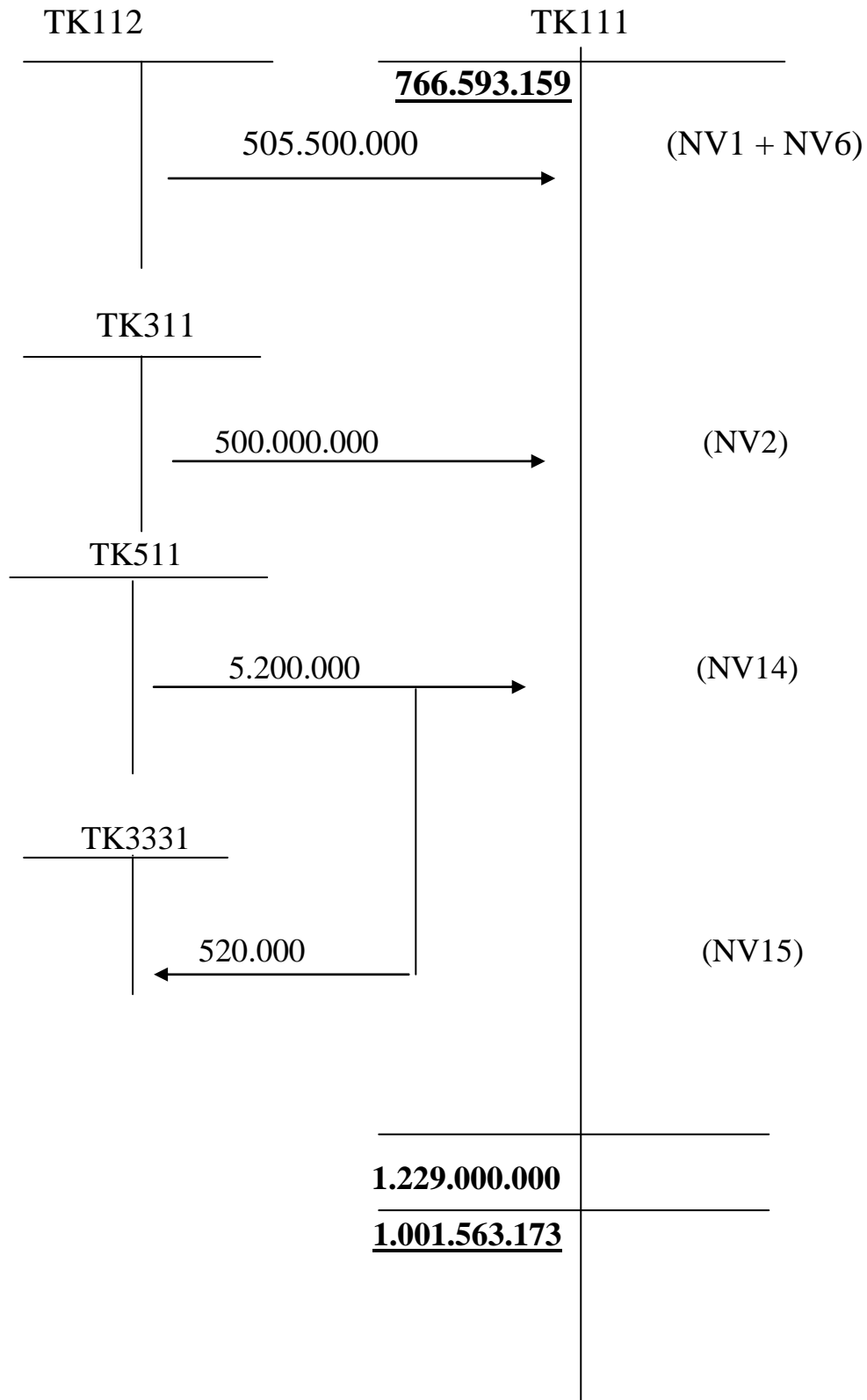
NHẬT KÝ - SỔ CÁI

Tháng 08 năm 2011

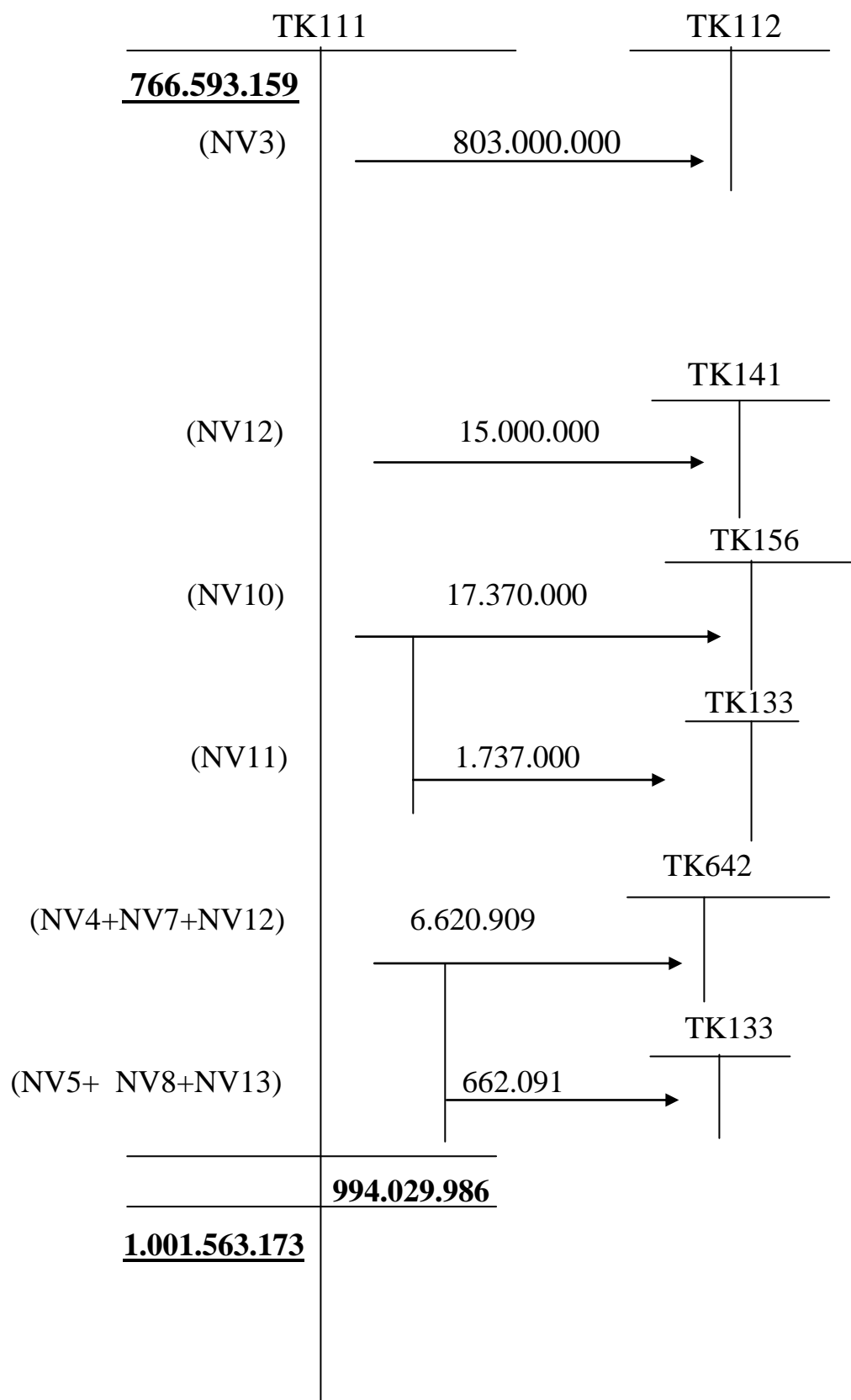
Số TT nghiệp vụ	Chứng từ		Diễn giải	ĐỊNH KHOẢN		Số phát sinh	TÀI KHOẢN 111	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				766.593.159	
1	PT253	01/08	Rút TGNH về nhập quỹ	111	112	310.000.000	310.000.000	
2	PT254	02/08	Nhập quỹ tiền vay ngắn hạn	111	311	500.000.000	500.000.000	
3	PC361	03/08	Nộp tiền vào TK ngân hàng	112	111	803.000.000		803.000.000
4	PC362	04/08	Thanh toán tiền xăng xe quản lý	642	111	3.675.000		3.675.000
5
6	PT257	10/08	Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ	111	112	195.500.000	195.500.000	
7	PC364	12/08	Thanh toán tiền điện thoại	642	111	1.177.273		1.177.273
8
9	PC365	18/08	Thanh toán tiền hàng	156	111	17.370.000		17.370.000
10		18/08	+VAT được khấu trừ	133	111	1.737.000		1.737.000
11	PC368	20/08	Tạm ứng tiền mua dầu diesel	141	111	15.000.000		15.000.000
12	PC369	23/08	Thanh toán tiền lệ phí công chứng	642	111	1.768.636		1.768.636
13		23/08	+VAT được khấu trừ	133	111	176.864		176.864
14	PT258	24/08	Thu tiền bán hàng	111	511	5.200.000	5.200.000	
15		24/08	+VAT phải nộp	111	333	520.000	520.000	
....
			Cộng phát sinh			29.789.944.336	1.229.000.000	994.029.986
			Số dư cuối năm 2011				1.001.563.173	

Biểu số 2: Nhật ký – sổ cái

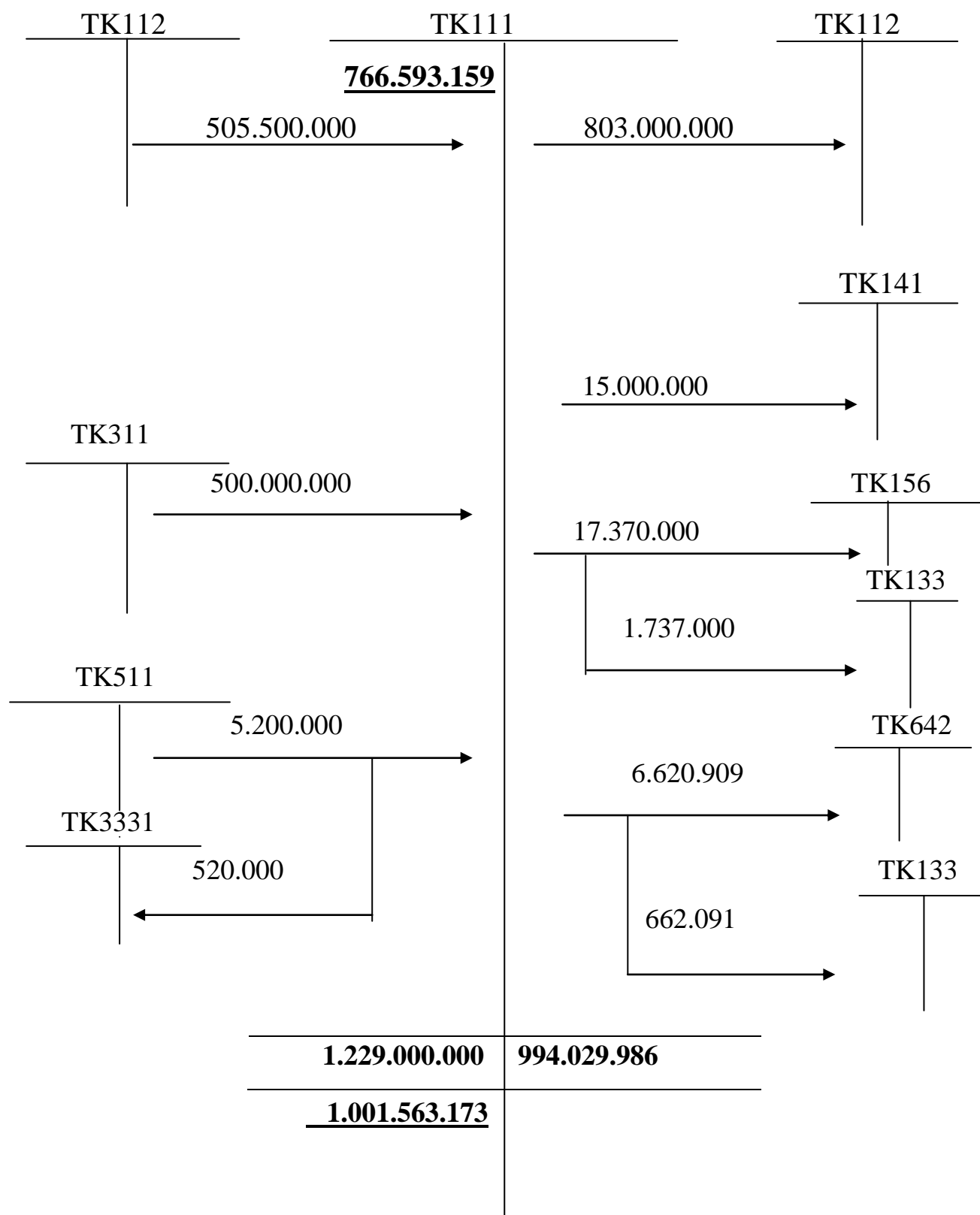
- Sơ đồ hạch toán thu tiền mặt tại quỹ tháng 08/2011



• Sơ đồ hạch toán chi tiền mặt tại quỹ tháng 08/2011



- Sơ đồ hạch toán tiền mặt tại quỹ tháng 08/2011



2.2.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng tại Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

2.2.2.1. Hạch toán thu chi tiền gửi Ngân hàng

2.2.2.1.1 Hạch toán thu tiền gửi Ngân hàng:

- Gửi tiền mặt vào TKTG; Doanh thu hoạt động BH và CCDV; Các khoản thu nhập khác nhận được; Nhận nguồn vốn được cấp, vốn góp của đối tác; Vay vốn chuyển vào TKTG; Lãi tiền gửi không có kỳ hạn; tiền lãi trái phiếu; tín phiếu, kỳ phiếu; Cổ tức, lợi nhuận từ vốn góp đầu tư, liên doanh, liên kết kinh tế được đối tác chia;...

2.2.2.1.2. Hạch toán chi tiền gửi Ngân hàng:

- Rút TGNH về quỹ; Chi mua vật tư, hàng hoá, TSCĐ, BĐS đầu tư và các hoạt động đầu tư XDCB dở dang; Các khoản chi phí phục vụ SXKD; Trả nợ người bán; Nộp các loại thuế; Nộp BHXH, BHYT, KPCĐ và các khoản phải trả khác; Trả nợ gốc vốn vay; Trả lãi vốn vay, lãi trái phiếu phát hành, lãi thuê tài chính TSCĐ, lãi khi mua hàng trả chậm; Các khoản chi phí khác phát sinh; Hoàn trả vốn góp cho đối tác; thanh toán các khoản giảm trừ doanh thu cho khách hàng;....

2.2.2.2. Quy trình nghiệp vụ tại Công ty

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ thanh toán cho nhà cung cấp, thanh toán cho khách hàng, thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước, các tổ chức, với cơ quan BHXH,.... Để giảm thiểu rủi ro, tránh nhầm lẫn, mất mát khi di chuyển đặc biệt ở những nơi xa nhau nên trong quá trình giao dịch Công ty thường thực hiện thanh toán qua Ngân hàng không dùng tiền mặt. Hơn thế nữa gửi tiền tại Ngân hàng cũng là một cách đầu tư sinh lời tránh để đồng vốn nằm rỗi tại Công ty.

- Tại Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long, kế toán tiền gửi Ngân Hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Các nghiệp vụ tiền gửi Ngân hàng của Công ty đều căn cứ vào các chứng từ như: Giấy báo nợ, lệnh chuyển có, hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo

chứng từ gốc như Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản....

- Khi nhận được các chứng từ do Ngân hàng gửi đến kế toán TGNH của Công ty tiến hành kiểm tra, đối chiếu chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa sổ sách kế toán của Công ty với chứng từ của Ngân hàng gửi đến thì kế toán thì kế toán TGNH phải thông báo với Ngân hàng để kịp thời xác minh đối chiếu, xử lý. Nếu cuối tháng vẫn chưa xác định được nguyên nhân thì lấy số liệu Ngân hàng làm chuẩn, phân chênh lệch tạm thời chuyển vào bên Nợ TK 138 hoặc bên Có TK 338. Sang tháng sau, sau khi đối chiếu với Ngân hàng tìm được nguyên nhân thì sẽ điều chỉnh lại. Còn số liệu hai bên cân đối căn cứ vào Giấy báo nợ, Giấy báo Có của Ngân hàng kế toán TGNH hạch toán chi tiết trên sổ TGNH để theo dõi cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Công ty mở TK giao dịch tại 3 ngân hàng: Ngân hàng công thương Bãi Cháy, Ngân hàng Ngoại Thương, Ngân hàng đầu tư và phát triển, tiền giao dịch chủ yếu là VNĐ.

2.2.2.3. Chứng từ và sổ sách thường sử dụng

- Giấy báo Nợ
- Giấy báo Có
- Các chứng từ khác như: Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản,...
- Sổ TGNH
- Nhật Ký – Sổ Cái

2.2.2.4. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình tăng, giảm và số hiệ có về các TK tiền gửi của doanh nghiệp kế toán sử dụng TK 112.

Tiền gửi Ngân hàng của Công ty được theo dõi chi tiết trên TK 112 với 2 cấp 2 là:

TK 1121: Tiền gửi Ngân hàng VNĐ

TK 1122: Tiền gửi Ngân hàng USD

2.2.2.5 Quy trình hạch toán

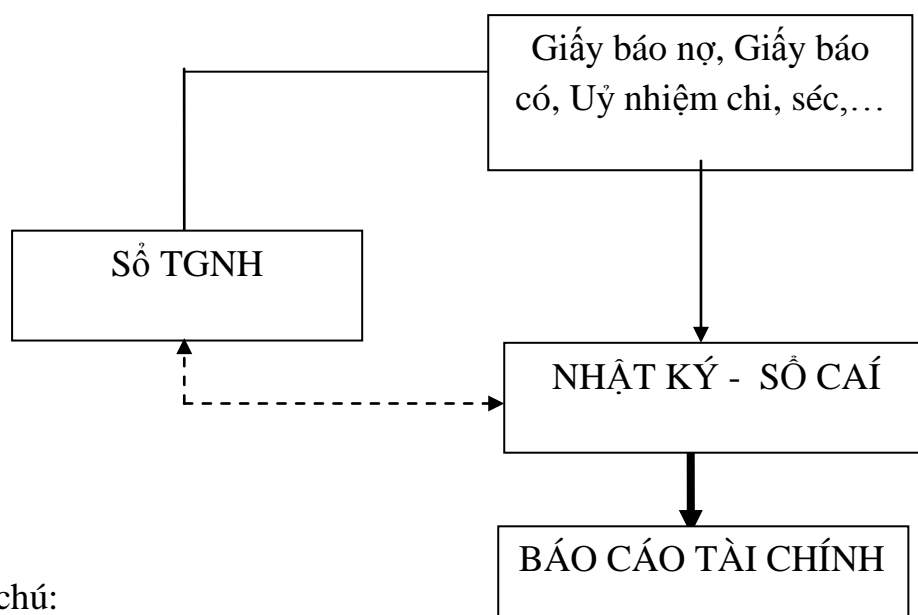
Quy trình luân chuyển chứng từ TGNH diễn ra gần tương tự như quy

trình luân chuyển chứng từ tiền mặt.

Đối với những nghiệp vụ làm tăng, giảm TGNH căn cứ vào những chứng từ gốc như giấy đề nghị vay tiền, giấy đề nghị thanh toán, HĐGTGT... đã được giám đốc Công ty và Kế toán trưởng ký duyệt kế toán Ngân hàng sẽ lập các ỦY Nhiệm thu, Ủy nhiệm chi, séc, lệnh chi sâu đó chuyển các chứng từ này cho Ngân hàng. Sau khi nhận được Giấy báo Nợ, Giấy báo Có của Ngân hàng, kế toán Ngân hàng tiến hành ghi sổ kế toán chi tiết TGNH, sổ quỹ TGNH rồi chuyển cho Kế toán tổng hợp ghi sổ tổng hợp. Kế toán Ngân hàng chịu trách nhiệm bảo quản và lưu trữ sổ chứng từ này.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh: Giấy báo Nợ, lệnh chuyển Có, bản sao kê chi tiết TK, Kế toán ghi vào Nhật ký – Sổ cái trên một dòng đồng thời ở cả hai phần: trước hết ghi vào cột ngày tháng, số hiệu của chứng từ, diễn giải nội dung và số tiền của nghiệp vụ trong phần nhật ký, sau đó ghi số tiền của nghiệp vụ vào cột ghi Nợ và cột ghi Có của các tài khoản có liên quan trong phần sổ cái. Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng →

Đối chiếu, kiểm tra ← - - - - -

Để hiểu rõ hơn về hoạt động kế toán TGNH tại Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long ta có nghiệp vụ sau:

❖ **Nghiệp vụ 1:**

Ngày 9/08/2011, Nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam, kế toán viết phiếu chi (biểu số 2.1).

Người nộp tiền đại diện cho Công ty nhận tiền từ thủ quỹ đem tiền đến gửi vào Ngân hàng. Tại Ngân hàng phát hành giấy nộp tiền ghi nhận số tiền Công ty đã nộp. Sau khi hoàn thành thủ tục gửi tiền vào Ngân hàng, người nộp tiền sẽ mang Giấy nộp tiền (biểu số 2.2) cùng với phiếu chi đưa cho kế toán.

Căn cứ vào chứng từ gốc có liên quan, kế toán sẽ ghi sổ quỹ tiền mặt (biểu số 1), Sổ TGNH (biểu số 3) và Nhật ký- Sổ cái (biểu số 2).

Đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư

Mẫu số: 02 – TT

Phát triển Hạ Long

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Bộ phận:.....

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số: 13

Ngày 09 tháng 08 năm 2011.

Số: 364

Nợ: 112

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thanh Hoa

Địa chỉ: P.Kế toán

Lý do chi: Nộp tiền vào TK Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam

Số tiền: 155.000.000. (viết bằng chữ): Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./.

Kèm theo:chứng từ gốc.

Ngày 09 tháng 08 năm 2011


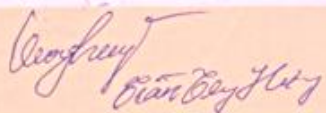

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.1: Phiếu chi

 Tên Ngân hàng: Ngân Hàng ĐT&PT Việt Nam Tên Chi nhánh: Mã MST: 01001506190051 MST	GIẤY NỘP TIỀN MẶT CASH DEPOSIT		Số/Seq No: 0087
	Số tiền bằng số/Amount in figures: 155.000.000, VNĐ		Ngày/Date: 09/08/2011
Số tiền bằng chữ/Amount in words: Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn.		Phí NH: <input type="checkbox"/> Phí trong Charge Included <input type="checkbox"/> Phí ngoài Charge Excluded	
SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT No: 445-10-00-014623-4			
TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: Công ty CP TM&MT Hải Long			
TAI NGÂN HÀNG/WITH BANK: BIDV Bờ Cấm			
HỌ TÊN NGƯỜI NỘP TIỀN (nếu không phải là chủ tài khoản)/DEPOSITOR (if other than A/C holder): Trần Trung Hưng			
ĐỊA CHỈ/ADDRESS: Bờ Cấm - Hải Long		ĐIỆN THOẠI/TEL No:	
SỐ CMT/ID/PP:		NGÀY CẤP/DATE:	
NƠI CẤP/PLACE:			
NỘI DUNG/REMARK: Nộp tiền vào TK			
445 0087 LOANDTT PHUONGHT 445-10-00-014623-4 VND CTY CP TM VA DT PHAT TRIEN HA LONG 09/08/2011 16:37:05 1050 1100 CS DR 155,000,000.00 VND 1.0000000 CR 155,000,000.00 VND 1.0000000 Phí: 0.00 VND VAT: 0.00 VND 1.0000000 MST: 5700619891 T.Toan Phí: 0.00 VND 1.0000000 TRAN TRUNG HUNG NOP TIEN VAO TK			
Người nộp ký/Depositor's signature 		Giao dịch viên/Prepared by 	
		Kiểm tra/HOÀN PHÒNG GIAO DỊCH BÀI CHAY ĐÃ THU TIỀN GIAO DỊCH BÀI CHAY CHI NHÁNH NGÂN HÀNG BÀU TRƯNG HẢI PHÒNG QUẢNG NINH QUẢNG TRUNG	

Biểu số 2.2: Giấy nộp tiền mặt

❖ Nghiệp vụ 2:

Ngày 9/08/2011, Công ty thanh toán tiền cước thuê vận chuyển cho Công ty Cổ phần Thuần Hải bằng TGNH.

Khi phát sinh nghiệp vụ thanh toán qua Ngân hàng, căn cứ vào HĐGTGT 0005683 (biểu số 2.3), kế toán Công ty gửi Ủy nhiệm chi (biểu số 2.4), đến Ngân hàng BIDV Quảng Ninh.

Ngân hàng nhận được Ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi bản sao kê TK chi tiết (biểu số 2.5).

Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán sẽ ghi Sổ tiền gửi Ngân hàng (biểu số 3), Nhật ký – Sổ cái (biểu số 2).

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
(Liên 2: Giao người mua)		Ký hiệu: AA/11P			
Ngày 09 tháng 08 năm 2011		Số: 0005683			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN HẢI					
Mã số thuế: 5700641424					
Địa chỉ: Tổ 4 – Khu 2 – Phường Đại Yên – Thành Phố Hạ Long – Tỉnh Quảng Ninh					
Điện thoại: 033.3857198 – Fax: 033.3857198					
Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long					
Mã số thuế: 5700619891					
Địa chỉ: Phường Bãi cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán:....CKSố tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước vận chuyển (Theo bảng đối chiếu thanh toán. Số 01/ĐCTT)		1	140.545455	140.545.455
Cộng tiền hàng:					140.545.455
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			14.054.545
Tổng cộng tiền thanh toán					154.600.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm lăm mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.3: Hoá đơn giá trị gia tăng

 MGT: 01001506190051		ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER		Số/Seq No: 0036 Ngày/Date: 01.10.2011	
Số tiền bằng số/Amount in figures: 154.600.000. (VNĐ)			Phí NH: <input type="checkbox"/> Phí trong: Charge Included <input checked="" type="checkbox"/> Phí ngoài: Charge Excluded		
Số tiền bằng chữ/Amount in words: Một trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.			Nội dung/Remarks: Thanh toán tiền thuê van chuyên		
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: Công ty CP TM và DT Phát triển Hải Phòng APPLICANT			ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: Công ty CP Thuận Hải BENEFICIARY		
Số CMT/ID/PP: _____ Ngày cấp/Date: _____ Nơi cấp/Place: _____ Số TK/A/C No: 245 10000 146224 Tại NH/At Bank: BIDV Tân Châu			Số CMT/ID/PP: _____ Ngày cấp/Date: _____ Nơi cấp/Place: _____ Số TK/A/C No: 29002257622 Tại NH/At Bank: VIETBANK CH QUANG NINH		
10/08/2011 09:36:47 7051 8254 OTA 0L7 -IBT 445-10-00-014623-4 VNĐ CTY CP TM VA DT PHAT TRIEN HA LONG DR 154.600.000.00 VNĐ 1.0000000 CR 154.600.000.00 VNĐ 1.0000000 Phí: 77.300.00 VNĐ VAT: 7.730.00 VNĐ 1.0000000 MST: 5700619891 T.Toan Phí: 85,030.00 VNĐ 1.0000000 TK thu phí: 445-10-00-014623-4 VNĐ CTY CP TM VA DT PHAT TRIEN HA LONG Ten Đơn vị hưởng: CTY CP THUAN HAI CTY CP TM VA DTPT HA LONG THANH TOAN TIEN THUE VAN CHUYEN					
KẾ TOÁN TRƯỞNG Chief Accountant  Giám đốc Trần Trung Hưng		NGÂN HÀNG GỬI/SENDING BANK (BIDV) Giao dịch viên Received by 		NGÂN HÀNG NHẬN /RECEIVING BANK Giao dịch viên Received by  Kiểm soát Verified by 	

Biểu số 2.4: Ủy nhiệm chi

❖ Nghiệp vụ 3:

Ngày 15/08/2011 khách hàng thanh toán tiền cước vận tải hàng hoá bằng tiền gửi Ngân hàng. Khách hàng thanh toán tiền hàng cho Công ty tại Ngân hàng nơi Công ty mở TK (NH VIB)

Từ Giấy báo có (biểu số 2.6) nhận được từ Ngân hàng kế toán ghi Sổ tiền gửi Ngân hàng (biểu số 3), Ghi vào Nhật Ký – Sổ Cái (biểu số 2).


		GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVICE		Số (seq. No.)	1042595212
Chi nhánh (Branch name):		PGD BÃI CHÁY		Ngày (date)	15/08/2011
Mã số thuế (Branch VAT code)		0100233488		Giờ (time)	02:57:35 PM
Mã số khách hàng: Client No.	00630768	CTY CP TM&ĐT PHÁT TRIỂN HẠ LONG			
Số TK/Tên TK: RB A/C No. / A/C Name	042704060005777	CTY CP TM&ĐT PHÁT TRIỂN HẠ LONG			
Mã giao dịch: Tran type	FTCR – GD GHI CO TU TTTT				
Nội dung: Narrative	TT tiền vận tải Hđ 71426. Nhận tại CN bãi cháy – Quảng Ninh.				
Số tiền bằng chữ: Credit amount in words					
	Số tiền (Credit amount in figures & ccy code)		211,200,000 VND		
Hai trăm mười một triệu hai trăm ngàn đồng					
	Số dư (ledger Balance & ccy):		212,547,528 VND CR		
GIAO DỊCH VIÊN/ NV NGHIỆP VỤ User ID FTAUT0607 (Đã ký tên, đóng dấu)			KIỂM SOÁT Supervisor ID (Đã ký tên, đóng dấu)		

Biểu số 2.6: Giấy báo có

❖ **Nhiệm vụ 4:**

Ngày 17/08/2011 Nộp lãi vay Ngân hàng VIB tháng 8.

Từ Giấy báo Nợ (biểu số 2.7) nhận được từ Ngân hàng kế toán ghi Sổ tiền gửi Ngân hàng (biểu số 3) sau đó ghi Nhật ký – Sổ cái (biểu số 2).

	GIẤY BÁO NỢ DEBIT ADVICE PGD BÃI CHÁY 0100233488	Số (seq. No.) 1114795921 Ngày (date) 17/08/2011 Giờ (time) 11:31:58 PM
Chi nhánh (Branch name): Mã số thuế (Branch VAT code):		
Mã số khách hàng: Client No.	00630768 CTY CP TM&ĐT PHÁT TRIỂN HẠ LONG	
Số TK/Tên TK: RB A/C No. / A/C Name	042704060005777 CTY CP TM&ĐT PHÁT TRIỂN HẠ LONG	
Mã giao dịch: Tran type	CLDR – GD GHI NO TU BO PHAN TDUNG	
Nội dung: Narrative CL-0000548365 THU NO KH CTY CP TM&DT PHAT TRIEN HA LONG.	Số tiền (Debit amount in figures & ccy code) 27,666,667 VND	
Số tiền bằng chữ: Debit amount in words		
Hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng.	Số dư (ledger Balance & ccy): 2,110,628 VND CR	
GIAO DỊCH VIÊN/ NV NGHIỆP VỤ User ID EOD7700 (Đã ký tên, đóng dấu)	KIỂM SOÁT Override User ID (Đã ký tên, đóng dấu)	

Biểu số 2.7: Giấy báo Nợ

Đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long

Mẫu số: S05a – DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Năm 2011

Ngày, tháng ghi sổ	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
				<u>SDDK</u>			766.593.159	
01/08	01/08	PT253		Rút TGNH về nhập quỹ TM	310.000.000			
02/08	02/08	PT254		Nhập quỹ tiền vay ngắn hạn	500.000.000			
03/08	03/08		PC361	Nộp tiền vào TK ngân hàng		803.000.000		
04/08	04/08		PC362	Thanh toán tiền xăng xe quản lý		3.675.000		
....	
09/08	09/08		PC364	Nộp tiền vào TK Ngân hàng		155.000.000		
10/08	10/08	PT257		Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	195.500.000			
12/08	12/08		PC364	Thanh toán tiền điện thoại		1.177.273		
.....	
18/08	18/08		PC365	Thanh toán tiền hàng		19.107.000		
20/08	20/08		PC368	Tạm ứng tiền mua dầu diesel		15.000.000		
24/08	24/08	PT258		Thu tiền bán hàng	5.720.000			
...	
				Cộng phát sinh	1.229.000.000	994.029.986		
				<u>SDCK</u>			1.001.563.173	

Biểu số1: Sổ quỹ tiền mặt

Đơn vị: Công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long

Mẫu số: S06 – DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm 2011

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại	
A	B	C	E	F	1	2	3	4
			Số dư đầu năm				1.604.150	
.....	
01/08	01/08	Rút TGNH về nhập quỹ TM	111		310.000.000		
03/08	03/08	Nộp tiền vào TK ngân hàng	111	803.000.000			
05/08	05/08	Thanh toán tiền cước vận chuyển	331		425.660.000		
.....	
09/08	09/08	Nộp tiền vào TK Ngân hàng	111	155.000.000			
09/08	09/08	Thanh toán tiền cước vận chuyển	331		154.600.000		
10/08		10/08	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	111		195.500.000		
15/08	15/08	Khách hàng thanh toán tiền cước vận chuyển	131	211.200.000			
17/08	17/08	Nộp lãi vay Ngân hàng tháng 8	635		27.666.667		
21/08	21/08	Nộp tiền BHXH	338		5.500.000		
.....	
26/08		26/08	Thanh toán tiền in hoá đơn tài chính	642		2.250.000		
30/08	30/08	Chi phí giao dịch TGNH	811		709.305		
.....	
			Cộng phát sinh		14.399.452.928	14.398.038.150		
			Số dư cuối năm 2011				3.018.928	

Biểu số 3: Sổ Tiền gửi Ngân hàng

CÔNG TY CP T.M&ĐTPT HẠ LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

-----*&*-----

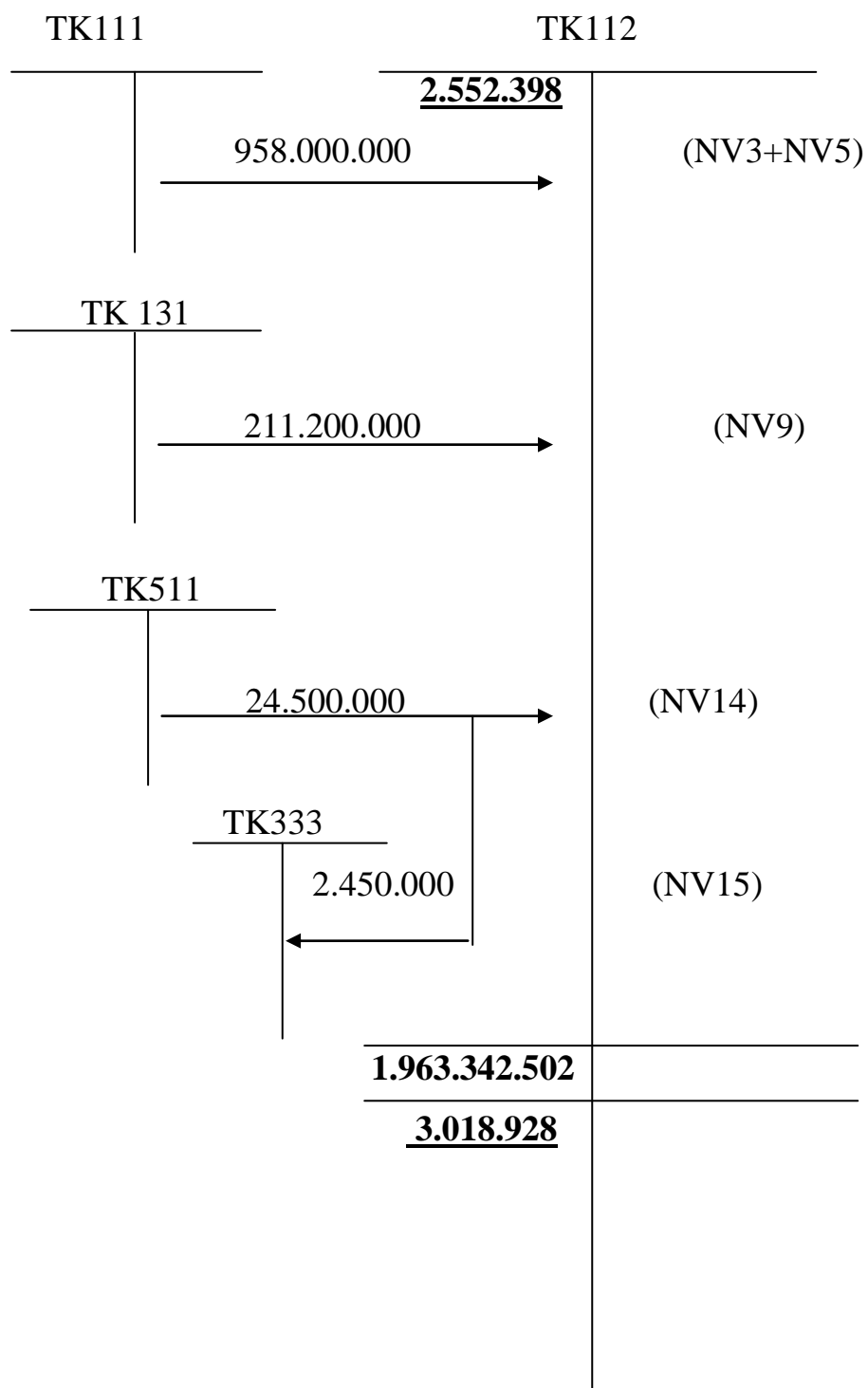
NHẬT KÝ - SỔ CÁI

Tháng 08 năm 2011

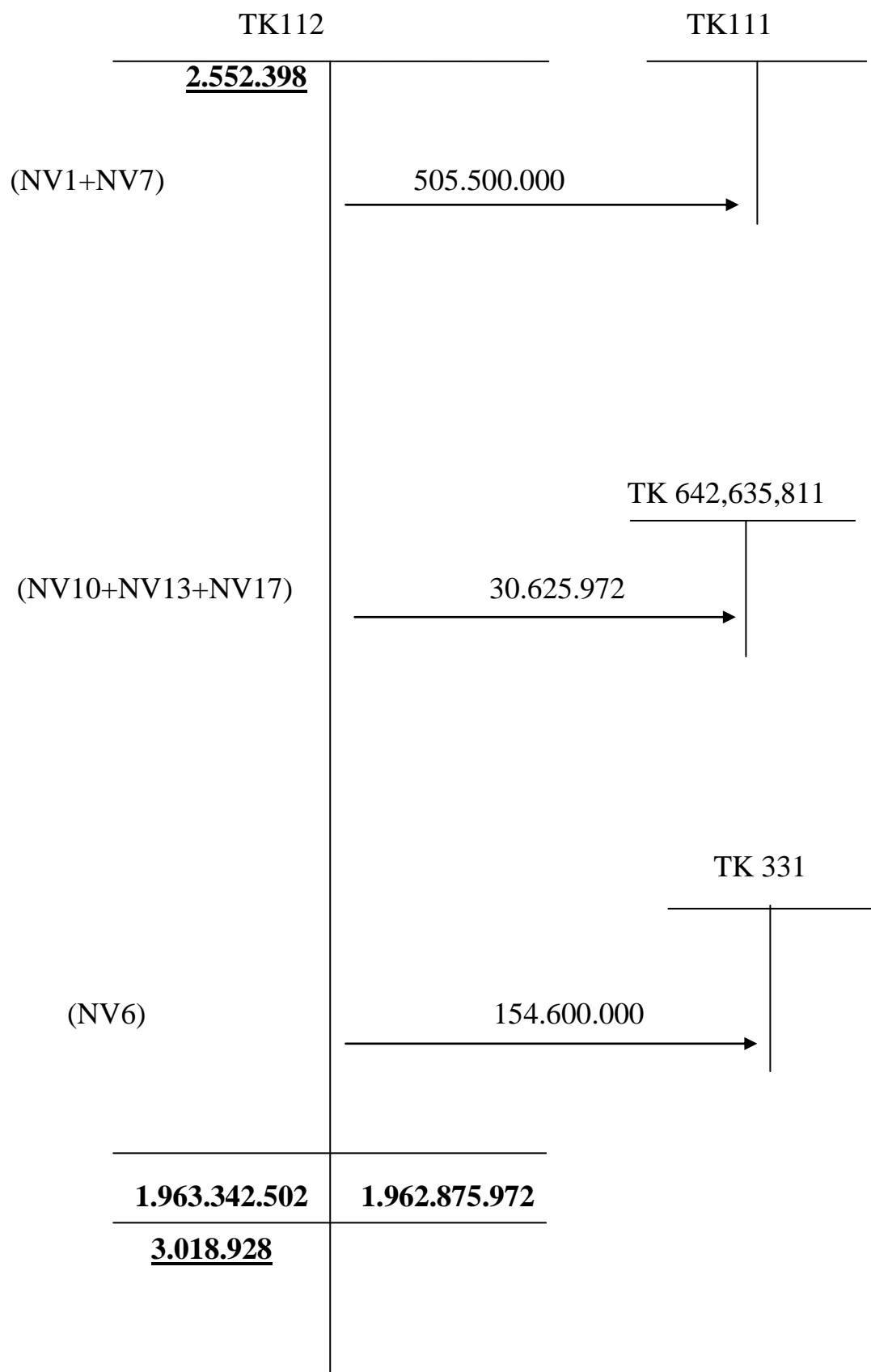
Số TT nghiệp vụ	Chứng từ		Diễn giải	ĐỊNH KHOẢN		Số phát sinh	TÀI KHOẢN 112	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				2.552.398	
1	PT253	01/08	Rút TGNH về nhập quỹ	111	112	310.000.000		310.000.000
2	PT254	02/08	Nhập quỹ tiền vay ngắn hạn	111	311	500.000.000		
3	PC361	03/08	Nộp tiền vào TK ngân hàng	112	111	803.000.000	803.000.000	
4
5	PC364	09/08	Nộp tiền vào TK Ngân hàng	112	111	155.000.000	155.000.000	
6	PC364	09/08	Thanh toán tiền cước vận chuyên	331	112	154.600.000		154.600.000
7	PT257	10/08	Rút TGNH về nhập quỹ	111	112	195.500.000		195.500.000
8
9	PT254	15/08	Khách hàng thanh toán tiền cước vận chuyên	112	131	211.200.000	211.200.000	
10	NH	17/08	Nộp lãi vay Ngân hàng tháng 8	635	112	27.666.667		27.666.667
11	PC365	18/08	Thanh toán tiền hàng	156	111	17.370.000		
12			+VAT được khấu trừ	133	111	1.737.000		
13	PC367	26/08	Thanh toán tiền in hoá đơn tài chính	642	112	2.250.000		2.250.000
14	PT259	27/08	Cty TNHH HM TT tiền hàng	112	511	24.500.000		
15		27/08	+VAT phải nộp	112	333	2.450.000		
16
17	PC369	30/08	Chi phí giao dịch TGNH	811	112	709.305		709.305
....
			Cộng phát sinh			29.789.944.336	1.963.342.502	1.962.875.972
			Số dư cuối năm 2011				3.018.928	

Biểu số 2: Nhật ký – sổ cái

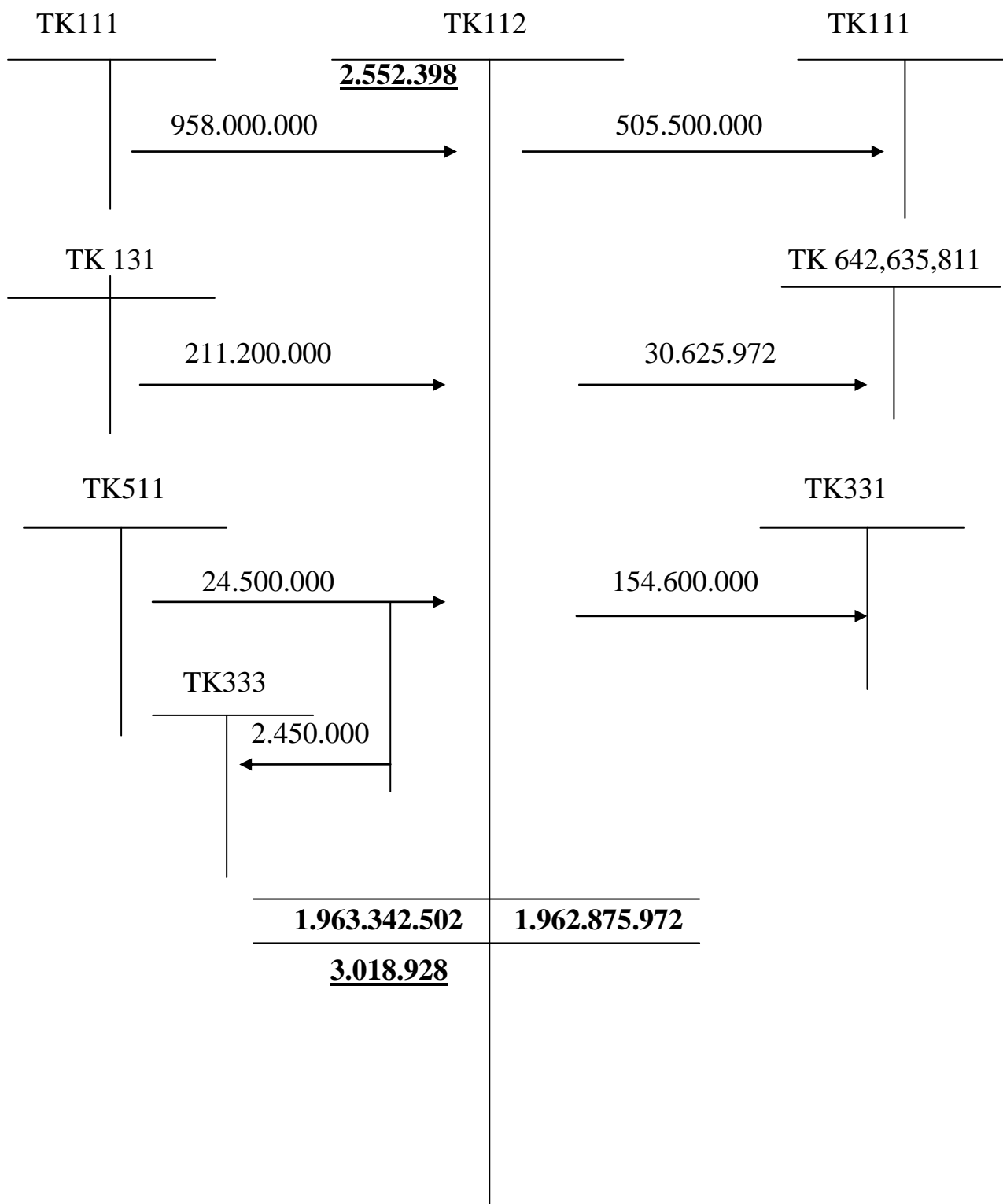
- Sơ đồ hạch toán thu Tiền gửi Ngân hàng tháng 08/2011



- Sơ đồ hạch toán chi Tiền gửi Ngân hàng tháng 08/2011



- Sơ đồ hạch toán Tiền gửi Ngân hàng tháng 08/2011



CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN T.M VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ LONG

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

3.1.1 Những ưu điểm

Từ khi thành lập đến nay công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long luôn phải đối đầu với hàng loạt những khó khăn thử thách, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị, tổ chức kinh tế khác, nhưng công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

1) Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, công ty đã tìm ra cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

2) Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học, và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của doanh nghiệp.

3) Công ty bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt, có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

4) bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ và hoàn chỉnh theo mô hình kế toán tập trung.

5) Các phần hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học cho từng kế toán viên, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép.

6) Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, khoa học. Hiện nay, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái, hình thức này khá đơn giản về quá trình hạch toán và phù hợp với quy mô và điều kiện công tác kế toán tại công ty.

7) Công ty sử dụng máy vi tính trong ghi chép nên khắc phục được nhược điểm của hình thức này là giảm được khối lượng ghi chép chung, giảm mức độ

nhằm lẫn về con số, đồng thời tiến độ báo cáo và cung cấp chỉ tiêu được nhanh chóng đầy đủ, chính xác và kịp thời.

8) Sổ sách kế toán của công ty được lập và ghi chép rõ ràng lành mạnh, việc lưu trữ thông tin và sổ sách được thực hiện trên máy vi tính và chỉ in ra với sự lựa chọn đối với sổ sách cần thiết phục vụ cho kinh doanh, quản lý.

9) Việc tổ chức bộ máy kế toán hợp lý và lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của công tác kế toán cũng như công tác quản lý hoạt động kinh doanh tại công ty.

10) Công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền. Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo an toàn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhập hàng ngày nên thông tin kế toán mang tính liên tục, chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá đến mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của Vốn bằng tiền.

11) Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của Vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo Quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền.

3.1.2 Những hạn chế

1) Công ty chưa tận dụng hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi Ngân hàng, vẫn còn thường xuyên thanh toán các khoản tiền mặt quá lớn. Việc thanh toán tiền bằng những khoản tiền lớn sẽ không an toàn cho thủ quỹ tiền mặt và không kinh tế.

2) Cuối tháng hoặc định kỳ, công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ, việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với số quỹ gặp khó khăn, và ảnh hưởng rất nhiều đến việc mua bán, thanh toán bằng tiền mặt.

3) Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hồi vốn của công ty.

4) Công ty chưa sử dụng TK 113 –Tiền đang chuyển. Do mạng lưới tiêu thụ

của Công ty rộng khắp cả nước, nên việc thanh toán gặp nhiều khó khăn về địa lý. Số lần thủ tục thanh toán được thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty vẫn chưa nhận được lệnh chuyển có, số chi tiết của ngân hàng... theo thống kê trong năm 2011 là 5 lần. Điều này có thể sẽ ảnh hưởng lớn nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán quý hay năm.

5) Công ty chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một số kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng tiền mặt tại quỹ của đơn vị không ổn định, có lúc quá ít có lúc quá nhiều. Điều này dễ gây nên những khó khăn cho công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng quá nhiều tiền làm vòng quay của vốn bị chậm lại.

6) Hiện nay hệ thống BCTC của công ty vẫn còn thiếu báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

7) Để công việc kế toán có thể được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác góp phần tiết kiệm thời gian, tính giảm lao động trong bộ máy kế toán. Công ty nên thực hiện việc cơ giới hoá công tác kế toán bằng cách đưa phần mềm kế toán vào sử dụng trong hệ thống thông tin của mình.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Như chúng ta đã biết đối với bất cứ một doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay, thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó, đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phát triển tốt, phải nắm được tiền mặt tồn quỹ để không xảy ra tiêu cực mất mát.

Tại công ty nói riêng và các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều phải nắm được thực lực của vốn bằng tiền để phục vụ cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi nguyên tắc hoàn thiện

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thông tin và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán, để tìm ra biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy, việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính, chế độ kế toán hiện hành.
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

Với mong muốn được đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công việc hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền, làm cho kế toán thực sự trở thành công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả. Sau một thời gian nghiên cứu và tìm hiểu các phần hành nói chung và đi sâu nghiên cứu tình hình thực tế công tác kế toán. Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long. Em xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tốt hơn công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu tư Phát Triển Hạ Long.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty Cổ Phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long.

3.2.3.1. Ý kiến thứ 1t: Hạn chế thanh toán bằng tiền mặt, đẩy mạnh hình thức thanh toán qua ngân hàng.

Với xu hướng chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống ngân hàng. Bởi lẽ, hiện nay hệ thống ngân hàng phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng phát triển với những dịch vụ tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền qua các hệ thống ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận tiện, giúp cho công ty tiết kiệm được thời gian, chi phí, an toàn với quỹ tiền mặt, cũng như

đồng tiền trong quá trình vận chuyển, hạn chế được tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán cũng như các sai sót, gian lận.

3.2.3.2. *ý kiến thứ 2: Công ty phải tiến hành kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ*

Thực hiện việc kiểm kê quỹ vào cuối tháng hoặc định kỳ, điều này có thể xác định được lượng tiền Việt tồn quỹ và số thừa, thiếu so với số quỹ, trên cơ sở đó tăng cường công tác quản lý quỹ và quy trách nhiệm vật chất. Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập ban kiểm kê quỹ, trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt và các thành viên khác.

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ, tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê, mọi khoản chênh lệch quỹ phải báo cáo Giám đốc xem xét giải quyết.

Việc kiểm kê quỹ phải được tiến hành định kỳ cuối tháng, cuối quý, cuối năm, khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi giao quỹ và phải lập Bảng Kiểm kê quỹ theo mẫu 08a-TT (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC). Biên bản kiểm kê quỹ gồm hai bản, một bản lưu ở quỹ, một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Sau đây là mẫu Bảng Kiểm kê quỹ:

Biểu số 3.3

Đơn vị:.....

Mẫu số: 08a - TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số:.....

Hôm nay, vàogiờ ...ngày ...tháng ...năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:Đại diện kế toán

Ông/Bà:Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	X
II	Số kiểm kê thực tế	X
1	Trong đó:		
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-
III	Chênh lệch (III = I – II)	X

- Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

3.2.3. 3. Ý kiến thứ 3: Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Trong hoạt động kinh doanh hiện nay, Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Để quán triệt nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, công ty nên tiến hành lập dự phòng phải thu khó đòi, cho phép công ty trích lập dự phòng bằng cách dành một phần lợi nhuận kinh doanh trong năm để chuyển sang năm sau, nhằm trang trải nợ phải thu khó đòi có thể phải xử lý trong năm sau. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được làm theo quy định về lập dự phòng phải thu khó đòi – thông tư 13/2006/TT BTC ngày 27/02/2006 như sau:

- Điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi.

+ Phải có các bằng chứng đáng tin cậy về các khoản nợ phải thu khó đòi (khách hàng bị phá sản hoặc bị tổn thất, thiệt hại lớn về tài sản, ... nên không hoặc khó có khả năng thanh toán, đơn vị đã làm thủ tục đòi nợ nhiều lần vẫn không thu được nợ).

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của đối tượng về số tiền còn nợ chưa bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ...

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập chi tiết theo từng đối tượng, từng nội dung, từng khoản nợ, từng loại nợ (nợ phải thu ngắn hạn và nợ phải thu dài hạn). Đối với các khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, doanh nghiệp đã cố gắng sử dụng mọi biện pháp để thu hồi nợ nhưng vẫn không thu hồi được và các cá nhân, đơn vị nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì doanh nghiệp có thể xoá những khoản nợ này trên sổ kế toán và chuyển ra theo dõi chi tiết trên Tài khoản 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Ghi nợ). Nếu sau khi đã xoá nợ, các khách hàng có khả năng thanh toán và doanh nghiệp thu hồi được nợ thì số nợ thu được sẽ ghi nhận là thu nhập khác trong kỳ, đồng thời ghi nhận vào bên Có tài khoản 004 “Nợ khó đòi đã xử lý”.

Trường hợp các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định của Thông tư 13 ngày 27/02/2006 phải xử lý như một khoản tổn thất.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng

thu hồi và được xử lý.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi.

+Nợ phải thu đã quá hạn thực tế từ 3 tháng đến dưới 1 năm mức tính 30% giá trị khoản nợ phải thu.

+Nợ phải thu đã quá hạn thực tế từ 1 năm đến dưới 2 năm mức tính 50% giá trị khoản nợ phải thu.

+ Nợ phải thu đã quá hạn thực tế từ 2 năm đến dưới 3 năm mức tính 70% giá trị khoản nợ phải thu.

Đối với khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, trốn nợ, bị truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Xử lý khoản dự phòng.

Khi các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định:

+ Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp không phải trích lập.

+ Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích lập thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch.

+ Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí.

- Trình tự kế toán dự phòng phải thu khó đòi.

Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào những bằng chứng đáng tin cậy thu thập được về các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp xác định số dự phòng cần phải lập cho các khoản nợ này, so sánh với số dự phòng phải thu khó đòi đã lập ở cuối niên độ kế toán trước.

Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần lập ở cuối niên độ kế toán này nhiều hơn số dự phòng đã lập ở cuối niên độ kế toán trước, phần chênh lệch được trích lập bổ sung dự phòng, kế toán ghi:

Nợ TK 6426 Chi phí quản lý doanh nghiệp (chi phí dự phòng)

Có TK 139 Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần lập ở cuối niên độ kế toán này ít hơn số dự phòng đã lập ở cuối niên độ kế toán trước, phần chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, kế toán ghi:

Nợ TK 139 Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6426 Chi phí quản lý doanh nghiệp (chi phí dự phòng)

Trong kỳ kế toán, nếu có khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu hồi được, doanh nghiệp làm thủ tục xoá sổ các khoản nợ này theo quy định. Căn cứ vào quyết định xử lý xoá sổ các khoản nợ không thể thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 6426 Chi phí quản lý doanh nghiệp (chưa lập dự phòng)

Nợ TK 139 Dự phòng nợ phải thu khó đòi (phần đã lập dự phòng)

Có TK 131, 1388 Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác Đồng thời ghi Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá sổ, nay doanh nghiệp thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112 Số tiền thu được

Có TK 711 Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

3.2.3.4. Ý kiến thứ 4: Sử dụng tài khoản 113 - Tiền đang chuyển vào hạch toán kế toán

Công ty nên đưa tài khoản 113 – Tiền đang chuyển vào sử dụng cho công tác hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp đang trong quá trình xử lý như chuyển tiền vào tài khoản ở ngân hàng, hoặc khách hàng chuyển trả thanh toán qua bưu điện, ngân hàng, nhưng doanh nghiệp chưa nhận được giấy báo Có, hay doanh nghiệp đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng để trả cho đơn

vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê từ ngân hàng. Thông thường công ty không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán, vì tiền chuyển qua ngân hàng sẽ chỉ phải chờ một vài ngày là sẽ nhận được tiền, nhưng điều này có thể sẽ ảnh hưởng lớn nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán quý hay năm. Như trường hợp cuối kỳ phát sinh tiền khách hàng đang chuyển trả nợ (nhưng chưa tới sẽ nhận được giấy báo có vào ngày đầu tháng sau). Nếu nghiệp vụ này không sử dụng tài khoản 113 thì số dư công nợ trên Báo cáo tài chính sẽ không chính xác và doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán. Để đảm bảo việc cập nhật tiền đúng, đủ thường xuyên, việc sử dụng tài khoản này là cần thiết.

3.2.3.5. Ý kiến thứ 5: Hoàn thiện xác định định mức tồn quỹ

Do đơn vị chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một số kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng tiền mặt tại quỹ của đơn vị không ổn định, có lúc quá ít có lúc quá nhiều. Điều này dễ gây nên những khó khăn cho công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng quá nhiều tiền làm vòng quay của vốn bị chậm lại. Để khắc phục nhược điểm này, theo em công ty nên xây dựng một định mức tiền mặt tại quỹ cụ thể trong từng kì hạch toán căn cứ vào kế hoạch thu chi tiền mặt trong kì. Định mức này có thể xê dịch trong kì hạch toán, nhưng không được phép tăng quá cao hoặc quá thấp gây tình trạng bất ổn trong quỹ tiền mặt của doanh nghiệp, bên cạnh đó công ty cũng cần lập kế hoạch thu hồi và thanh toán các khoản công nợ sao cho số tiền sẽ phải trả nợ cũng như sẽ thu hồi nợ cân đối nhau đảm bảo được nhu cầu thu ,chi của công ty.

3.2.3.6. Ý kiến thứ 6: Hoàn thiện việc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ có ý nghĩa rất lớn trong quản lý tài chính của doanh nghiệp. Nó là công cụ hữu ích để quản lý và theo dõi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Một trong những ràng buộc lớn nhất của Doanh nghiệp là tại thời điểm nào cũng phải có đủ lượng tiền để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và thanh toán các khoản nợ đã đến hạn trả.

Để có thể đánh giá được một cách chính xác thực trạng của doanh nghiệp

thì số liệu trên báo cáo phải chính xác phản ánh trung thực hợp lý.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phải được lập theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ có thể lập theo 2 phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp gián tiếp. Tương ứng với mỗi phương pháp có mẫu báo cáo riêng, nhưng mẫu báo cáo chỉ khác nhau ở phần lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh.

Sau đây là mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị:.....

Mẫu số B03-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) ()*
Năm....

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.11		

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: * Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số”.

3.2.3.7. Ý kiến thứ 7: Ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán

Trong bối cảnh hiện nay, vi tính hoá công tác kế toán là một tất yếu và cần thiết với ưu điểm xử lý nhanh, chính xác, lưu giữ nhiều thông tin và truy cập dữ liệu tốc độ cao. Điều đó tạo điều kiện cho nhân viên kế toán làm việc hiệu quả, công việc sẽ không bị dồn vào cuối tháng, đồng thời chất lượng quản lý và cung cấp thông tin kế toán cho công tác quản lý sẽ ngày càng tốt hơn.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán, do đó Công ty có thể chọn cho mình một chương trình phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Sau đây em xin giới thiệu một phần mềm kế toán khá phổ biến, có uy tín trên thị trường và phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo em công ty có thể tin tưởng và sử dụng phần mềm này.

Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING là giải pháp phù hợp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với ưu điểm dễ sử dụng, và đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp. Fast Accounting có nhiều tính năng mạnh và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình được hiệu quả. Phần mềm kế toán Fast Accounting cập nhật các sửa đổi bổ sung theo các quy định mới nhất của Bộ tài chính: chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC, quyết định 48/2006/QĐ-BTC (dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa); báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN theo thông tư 60/2007/TT-BTC (hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế); nghiệp vụ hạch toán hàng khuyến mãi theo thông tư 30/2008/TT-BTC; bảng kê thu mua hàng hóa – dịch vụ mua vào không có hóa đơn (mẫu số 01/TNDN) theo Thông tư 134/2007/TT-BTC...

Hỗ trợ kết xuất dữ liệu báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN, báo cáo tài chính sang phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTTK của Tổng Cục thuế để in theo mã vạch.

** Một số đặc điểm của phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING:*

- Xử lý số liệu tốc độ cực nhanh và chính xác bằng việc áp dụng công nghệ xử lý SQL Server và Visual Studio 2008, có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN, có chức năng lưu dữ liệu sang 1 file khác dự phòng và khôi phục dữ liệu khi bị mất.

- Cập nhật báo cáo thuế, báo cáo tài chính, theo dõi và tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra.

- Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể làm được.

- Công nghệ lọc dữ liệu thông minh, có thể lọc được bất kỳ thông tin nào, người sử dụng chỉ việc đưa ra tiêu chuẩn lọc (dạng chữ hoặc số).

- Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, thời hạn nợ, từng công trình, in bảng đối chiếu công nợ, xử lý chênh lệch tỷ giá tự động.

- Có thể tự định nghĩa loại chứng từ gốc và thêm bớt các thành phần cho phù hợp với đơn vị.

- Xác định kết quả kinh doanh, trích khấu hao tài sản cố định, phân bổ chi phí trả trước, chi phí mua hàng tự động.

- In Sổ cái, Sổ chi tiết tài khoản, Sổ nhật ký chung, Chứng từ ghi sổ hàng loạt chỉ bằng một cú click (hết một sổ chương trình sẽ tự động ngắt trang và chuyển qua sổ khác), đánh số chứng từ tự động, in các chứng từ gốc (Phiếu thu, chi, nhập, xuất kho) hàng loạt chỉ việc chọn theo số hoặc theo ngày, bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. In bảng lương, hợp đồng lao động, bảng chấm công.

- In các loại bảng kê chi tiết và tổng hợp, báo cáo nhanh theo yêu cầu ...

Giao diện của màn hình kế toán FAST ACCOUTING:



Trên đây là một số phương hướng nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng mà em xin mạnh dạn nêu ra. Mong rằng đó là những phương hướng sẽ đem lại hiệu quả cho công ty trong tương lai.

KẾT LUẬN

Vốn bằng tiền giữ một vị trí hết sức quan trọng trong doanh nghiệp, là cơ sở, tiền đề cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, đồng thời cũng đóng vai trò là mạch máu lưu thông toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với các doanh nghiệp, cũng như các nhà quản lý.

Khoá luận “Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long” đã đề cập những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn như sau:

Về lý luận: Đưa ra những vấn đề lý luận về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Phản ánh khá đầy đủ về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long, với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2011. Khoá luận cũng đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty:

- 1) Tăng cường thanh toán thông qua tiền gửi Ngân hàng
- 2) Phải kiểm kê quỹ và các TK ở Ngân hàng để nắm được các vốn để điều hành sản xuất kinh doanh.
- 3) Trích lập quỹ dự phòng để phòng khi nợ không đòi được.
- 4) Sử dụng TK 113 theo chế độ quy định để kiểm soát tiền mặt.
- 5) Xác định định mức tồn quỹ
- 6) Lập báo cáo tài chính tiền tệ
- 7) Vận dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và phần mềm kế toán vào kế toán

Các kiến nghị tuy còn mang tính lý thuyết nhưng đây cũng là tài liệu để tham khảo cho công ty nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung.

Do trình độ và thời gian thực tập tại công ty có hạn nên khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong tiếp thu những ý kiến đóng góp bổ sung của các thầy cô, các cô bác, anh chị và các bạn để hoàn thiện tốt hơn bài Khoá luận tốt nghiệp.

Để đạt được kết quả này em xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô đã truyền

đạt, giảng dạy kiến thức cho em trên giảng đường, đặc biệt sự giúp đỡ chỉ bảo tận tình của Thầy giáo Nguyễn Văn Tinh, cùng tập thể ban lãnh đạo công ty cổ phần T.M Và Đầu Tư Phát Triển Hạ Long, các cô, bác, anh chị trong công ty giúp đỡ tạo điều kiện để em hoàn thành thật tốt Khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Minh Huệ